TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

KHOA KHOA HỌC CHÍNH TRỊ

----------o0o----------

KỶ YẾU HỘI THẢO
NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

KHÁNH HÒA, THÁNG 01 NĂM 2016

Mục lục

STT	Chủ đề báo cáo	Họ và tên	Trang
1	Một số đề xuất nhằm nâng cao chất lượng đào tạo trong Trường Đại học Nha Trang	Trần Thị Lệ Hằng	2
2	Phát huy vai trò của các cơ quan, doanh nghiệp trong việc nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo ở Trường Đại học Nha Trang hiện nay	Trịnh Công Tráng	8
3	Thay đổi động cơ học tập học phần Tâm lí hoc đại cương của sinh viên năm thứ nhất	Đinh Thị Sen	14
4	Giải pháp đánh giá kết quả tự học của sinh viên đối với học phần Thực hành văn bản tiếng Việt trong điều kiện lớp đông	Lê Thị Thanh Ngà	19
5	Nâng cao phẩm chất chính trị và năng lực chuyên môn của đội ngũ giảng viên Lý luận chính trị nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy và học các học phần Lý luận chính trị trong Nhà trường hiện nay	Đỗ Văn Đạo	24
6	Nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập Lý luận chính trị cho sinh viên cần có sự đổi mới đồng bộ	Trương Thị Xuân	30
7	Đổi mới phương pháp dạy học phần Đường lối cách mạng Đảng Cộng sản Việt Nam	Tô Thị Hiền Vinh	34
8	Một số ý kiến trao đổi về thái độ học tập các học phần Lý luận chính trị của sinh viên Trường Đại học Nha Trang	Vũ Thị Bích Hạnh	40

MỘT SỐ ĐỀ XUẤT NHẰM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO TRONG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Ths. Trần Thị Lệ Hằng - BM Lý luận Chính trị

Như chúng ta biết, hiện có nhiều ý kiến khác nhau trong việc đánh giá chất lượng đào tạo của trường ta.

Một số người cho rằng sinh viên bây giờ kém hơn sinh viên các thế hệ trước cả về đạo đức và năng lực học tập. Phần đông sinh viên ham chơi nhiều hơn ham học; ước mơ, hoài bão chỉ còn ở số ít sinh viên. Nhiều người băn khoăn, lo lắng, thậm chí còn bi quan cho rằng chất lượng đào tạo bây giờ đang sa sút trầm trọng.

Nhưng cũng có ý kiến cho rằng với điều kiện hiện tại mà chúng ta làm được như thế này là quá giỏi. Nhiều thầy cô mặc dầu học hàm học vị, kiến thức và kinh nghiệm còn chưa bằng các trường đầu đàn, mặc dầu thu nhập và cuộc sống còn nhiều khó khăn, nhưng vẫn miệt mài giảng dạy và nghiên cứu; Còn trò thì thế nào? Với điều kiện ăn ở và học tập chưa được tốt, phòng thí nghiệm, tài liệu, thư viện còn chưa tốt lắm mà trò vẫn miệt mài học tập và ra đời làm ăn phát đạt, ngành nghề vẫn phát triển đi lên.

Vậy chất lượng đào tạo của trường ta đáng mừng hay đáng lo?

Để có cách nhìn khách quan tôi xin nêu một số dẫn liệu:

- Theo báo cáo của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giám sát việc thực hiện chính sách pháp luật về thành lập trường, đầu tư và bảo đảm chất lượng đào tạo đối với giáo dục đại học thì "*Mặc dù trong những năm gần đây, quy mô và số lượng các trường ĐH, CĐ tăng nhanh nhưng chất lượng đào tạo vẫn chưa đáp ứng được so với nhu cầu xã hội và sự phát triển của khu vực và thế giới*".

- Theo đánh giá của các doanh nghiệp, phần lớn sinh viên hiện nay đều năng động, nhiệt tình, ham học hỏi, có nền tảng kiến thức cơ bản và có khả năng ứng dụng công nghệ cao. Tuy nhiên, sinh viên ra trường hiện nay phần lớn không làm được việc ngay, mà phải được các DN đào tạo lại một thời gian, ít nhất là 3 đến 6 tháng mới làm việc được.

- Các doanh nghiệp cũng chỉ ra rằng, những hạn chế mà sinh viên hiện nay gặp phải là thiếu kỹ năng nghề nghiệp, yếu ngoại ngữ, chưa ứng dụng tốt tin học vào chuyên môn, còn lúng túng khi áp dụng lý thuyết vào thực tế. Điều này thể hiện sự thiếu hụt về kỹ năng thực hành của sinh viên.

- Trường ta là một trong 20 trường đại học đầu tiên ở Việt nam tham gia kiểm định chất lượng. Theo Hội đồng Quốc gia kiểm định chất lượng đào tạo, thì trường ta đạt yêu cầu về điều kiện đảm bảo chất lượng.

Nhìn chung, trường ta cũng như tất cả các trường đại học khác ở Việt Nam, vẫn còn nhiều bất cập không thể phủ nhận. Chúng ta đang sống trong thời đại bùng nổ thông tin, khoa học kỹ thuật phát triển với tốc độ chóng mặt, xã hội ngày càng yêu cầu cao hơn và khắt khe hơn về chất lượng đào tạo. Nếu chúng ta không nỗ lực phấn đấu, không tìm ra được giải pháp phù hợp cho mình, không đáp ứng được chất lượng đào tạo thì sớm muộn gì cũng sẽ bị tụt hậu và bị đào thải.

Vậy Làm thế nào để nâng cao chất lượng đào tạo? Đây là bài toán khó, không thể tìm ra lời giải chung cho tất cả mọi trường và mọi ngành nghề. Muốn tìm được câu trả lời đòi hỏi phải đầu tư nhiều thời gian, công sức. Cần xác định được yếu tố nào là yếu tố mang tính quyết định đối với từng ngành, từng trường từ đó tìm ra khâu đột phá riêng, phù hợp với trường mình.

Ai cũng biết, muốn đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo thì sự đồng bộ là quan trọng. Sự đồng bộ ở đây được hiểu là sự hợp lý, sự logic, là điều kiện tất yếu, là muốn có cái này nhất thiết phải có cái kia. Nói cách khác, muốn có một kết quả xác định, nhất thiết phải có những điều kiện xác định. Sự đồng bộ trái ngược với cảnh trống đánh xuôi kèn thổi ngược.

Vậy sự đồng bộ đối với chất lượng đào tạo đại học là những điều kiện nào?

Xin dẫn ra báo cáo tại ĐHQG TP.HCM ngày 8.12.2004 của GS.TS. Nguyễn Quang Toản trong bài "Khái quát áp dụng mô hình quản lý tập trung vào chất lượng và hướng tới khách hàng của bộ ISO 9000:2000 để quản lý giáo dục", tổng kết như sau: Trong các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo thì:

- Quản lý giáo dục chiếm: 51%.
- Phương pháp giảng dạy: 22%.
- Chương trình GDĐT, cơ sở vật chất: 18%.
- Đánh giá kiểm tra: 9%.

Nhiều ý kiến cho rằng "giảng viên là yếu tố quyết định chất lượng", nhưng xem xét theo kết quả trên, giảng viên - với phương pháp giảng dạy của mình, chiếm tỷ lệ 22% so với quản lý 51% - thì giảng viên chỉ là một trong những yếu tố ảnh hưởng quan trọng. ***Phải nói quản lý mới là yếu tố quyết định chất lượng đào tạo***.

Có nhà quản lý giỏi, trường sẽ có được những quyết định đúng; có chiến lược, phương pháp đúng; có biện pháp hữu hiệu để xây dựng và sử dụng đội ngũ giảng viên giỏi; có cơ chế đúng, có lộ trình đúng, từ đó sẽ có phương pháp giảng dạy, có cơ sở vật chất, có phương pháp kiểm tra - đánh giá đúng đắn.

Như vậy quản lý giáo dục mới thực sự đóng vai trò quyết định hàng đầu đến chất lượng đào tạo. Sau đó mới đến các yếu tố khác. Nói như vậy không có nghĩa chỉ coi trọng quản lý mà phải hiểu là mỗi yếu tố đều có tầm quan trọng riêng và đều cần phải làm thật tốt.

Dựa trên cách tiếp cận trên, tôi xin đề xuất một vài ý kiến góp phần tìm ra lời giải làm thế nào để nâng cao chất lượng đào tạo tại Trường Đại Học Nha Trang.

Đề xuất 1: Đổi mới công tác quản lý, tạo ra sự đồng bộ trong các hoạt động của nhà trường

Vừa qua, căn cứ vào Nghị quyết 05 - NQ/BCS ngày 06/01/2010 của Ban cán sự Đảng Bộ GD&ĐT về đổi mới quản lý GDĐH giai đoạn 2010 - 2012; Quyết định số 179/QĐ - BGDĐT ngày 11/01/2010 của Bộ GD&ĐT; Chỉ thị số 296/CT - TTg ngày 27/02/2010 của Thủ tướng Chính phủ về đổi mới quản lý GDĐH giai đoạn 2010 - 2012.

Đây là chủ trương đúng, có thể tạo ra bước đột phá để phát triển nhà trường. Nhưng Chủ trương này chỉ có thể thành hiện thực khi và chỉ khi có sự đồng bộ trong nhà trường. Thử hình dung xem kết quả sẽ như thế nào nếu như mỗi người đều có quyết tâm nhưng mỗi người hiểu và làm theo mỗi kiểu, không cùng mục đích, không cùng lợi ích và không có có tiếng nói chung?.

Vậy; trách nhiệm này là của tất cả mọi người trong trường. Trong đó việc ra quyết định và chính sách của lãnh đạo đóng vai trò quan trọng. Cái gốc của vấn đề chính là cơ chế để tạo ra sự đồng bộ để tránh cảnh trống đánh xuôi, kèn thổi ngược.

Đề xuất 2: Cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho giảng viên

Vấn đề đời sống vật chất và tinh thần của giảng viên là vấn đề cần thiết phải giải quyết để giảng viên an tâm công tác, gắn kết sự nghiệp của đời mình với sự nghiệp của trường và toàn tâm với công việc giảng dạy và nghiên cứu khoa học, qua đó có thể cải thiện chất lượng đào tạo. Không có đội ngũ giảng viên giỏi, tận tụy với nghề, với trường và với học viên thì chất lượng đào tạo sẽ chẳng bao giờ cao.

Điều này có thể thực hiện được bằng cách thực thi tiết kiệm, tránh lãng phí, nâng cao hiệu quả trong các hoạt động khoa học, chuyển giao công nghệ và các hoạt động có thu.

Cần phải có cơ chế hoạt động và phân phối hợp lý; thưởng phạt công minh trong thi đua là rất cần thiết. Tuy nhiên nới lỏng để được lòng nhau, hoặc sự chặt chẽ, khắt khe quá mức trong quản lý, trong chính sách chi tiêu và thi đua khen thưởng cũng khó dẫn đến kết quả mong đợi.

Cần nói thêm, hiện nay trường ta đang xúc tiến tiết kiệm, tránh lãng phí để có thể tăng được 10% thu nhập lương kỳ 2 là tín hiệu vui mừng, nhưng như thế vẫn còn thấp so với người lao động ở các lĩnh vực khác.

Trách nhiệm tiết kiệm, tăng cường hoạt động và hiệu quả của hoạt động để cải thiện đời sống vật chất và tinh thần là trách nhiệm của tất cả mọi người trong trường. Hành vi ân cần thực thi nhiệm vụ và thái độ ứng xử có văn hóa trong công việc và giao tiếp hàng ngày cũng cần quan tâm thực hiện.

Đề xuất 3: Quan tâm đến việc tuyển người giỏi cho cả đội ngũ quản lý và đội ngũ giảng viên, tạo điều kiện học tập nâng cao năng lực cho đội ngũ nhưng phải đi đôi với việc sàng lọc

Vấn đề số lượng và chất lượng của cán bộ quản lý và giảng viên cũng cần được quan tâm. Số lượng cán bộ quản lý, giảng viên, bằng cấp (thạc sĩ, tiến sĩ), học hàm (phó giáo sư, giáo sư) trong trường là một chỉ số nhưng chỉ là một trong nhiều chỉ số về chất lượng đội ngũ. Ta không thể vì thiếu cán bộ, giảng viên và cán bộ chưa đủ học vị, học hàm mà dễ dãi trong khâu tuyển chọn, bổ nhiệm và khâu mời giảng, đặc biệt là đối với hệ đào tạo vừa học vừa làm.

Hiện tượng cán bộ quản lý chưa biết cách quản lý, giảng viên chưa xứng đáng với danh hiệu nhà giáo và hiện tượng người có học hàm học vị cao nhưng khả năng chưa tương xứng là hiện tượng có thực. Vì vậy việc sàng lọc đội ngũ cũng như việc tuyển chọn và tạo điều kiện học tập nâng cao cho cán bộ giảng viên cần được quan tâm đúng mức.

Việc này đề xuất thì dễ, nhưng làm thì không dễ, đòi hỏi phải có sự công tâm và quyết tâm cao của lãnh đạo, đồng thời cần có sự tham gia của nhiều người, nhiều cấp, không riêng của lãnh đạo.

Đề xuất 4: Sử dụng hiệu quả nguồn lực con người và vật chất hiện có

Chất lượng đào tạo còn phụ thuộc vào cơ sở vật chất, phòng học, phòng thí nghiệm, tài liệu, thư viện, máy tính... Vì vậy mỗi đơn vị, mỗi ngành tùy đặc thù của mình cần chủ động tranh thủ các nguồn lực trong ngoài trường, trong ngoài nước để xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, để ngày càng có điều kiện đào tạo tốt hơn.

Nếu chỉ nhìn khó khăn trong hiện tại rồi kêu ca, phàn nàn, trách móc, đổ lỗi… thì sẽ sẽ không mang lại sự thay đổi gì và không mang lại lợi ích cho ai cả. Chúng ta cần chấp nhận hiện tại và tìm cách sử dụng hiệu quả nguồn lực con người và vật chất hiện có, biện pháp này tuy đơn giản nhưng sẽ cho kết quả tích cực.

Đừng quên trước đây cơ sở vật chất kỹ thuật của trường ta lạc hậu và thiếu thốn hơn bây giờ nhiều, nhưng vẫn tạo ra được nhiều kỹ sư, nhiều nhà quản lý tốt.

Tìm cách sử dụng hiệu quả nguồn lực con người là trách nhiệm của lãnh đạo các cấp quản lý trong trường. Tìm cách sử dụng hiệu quả nguồn lực vật chất đang có là trách nhiệm chung của mọi người. Việc ra quyết định và chính sách của lãnh đạo nhà trường đóng vai trò quan trọng.

Đề xuất 5: Bắt tay cùng doanh nghiệp để nâng cao chất lượng đào tạo

Thực tế cho thấy, trong điều kiện khó khăn hiện nay, trường không thể mua sắm đầy đủ máy móc, thiết bị hiện đại nhất phục vụ cho công tác giảng dạy - học tập, thực tập, thực hành. Trong khi các doanh nghiệp lại thường xuyên phải đổi mới thiết bị và công nghệ thì mới có

thể cạnh tranh được trên thị trường. Nếu nhà trường và doanh nghiệp bắt tay nhau trong việc nâng cao chất lượng đào tạo thì thông qua mối liên kết này, nhà trường có thể nắm bắt được những thông tin cần thiết từ phía doanh nghiệp về nhu cầu lao động, chất lượng công tác của các học viên do trường đào tạo... từ đó có sự điều chỉnh hợp lý về chương trình, nội dung, phương thức giảng dạy, sẽ cho ra trường đội ngũ lao động có trình độ cao hơn, hoàn chỉnh hơn, được cập nhật kiến thức đầy đủ hơn, đáp ứng được nhu cầu thực tế.

Đây là cách thức hiệu quả để thực hiện phương châm "Dạy cái mà xã hội cần, người học cần, chứ không dạy cái mà nhà trường sẵn có".

Trách nhiệm này thuộc về các khoa chuyên ngành, nhưng cần có sự đồng thuận và hỗ trợ tích cực của các phòng ban chức năng và lãnh đạo nhà trường.

Đề xuất 6: Cải thiện chất lượng đầu vào, nâng cao tính ham học hỏi và khả năng tự học tự nghiên cứu cho sinh viên

Thực tế cho thấy rất khó đảm bảo được chất lượng đào tạo nếu đầu vào của sinh viên số đông chỉ ở mức trung bình thậm chí hơi thấp. Mặt khác, dưới tác động của nhiều nguyên nhân như: gia đình, giáo dục phổ thông, tác động của xã hội v.v... dẫn đến có nhiều sinh viên không ham học, hoặc bị lúng túng về phương pháp trong học tập và nghiên cứu, gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng đào tạo. Đây là khó khăn cần được quan tâm giải quyết.

Đầu vào tuyển sinh chỉ có thể cải thiện khi có nhiều học sinh khá và giỏi chịu thi và chịu nhập học vào trường ta. Như vậy, việc tuyên truyền, quảng bá thương hiệu; tạo ra điều kiện tốt hơn cho sinh hoạt và học tập; thái độ ân cần, lịch sự của cán bộ giáo viên đối với học viên và gia đình họ v.v... là biện pháp hữu hiệu để hấp dẫn nhiều học sinh khá và giỏi.

Đầu vào chưa cao, nhưng việc tăng cường công tác quản lý và kỷ luật trong giảng dạy, thực hành, thực tập, thi cử… để buộc thầy phải thực dạy và trò phải thực học là biện pháp tỏ ra có hiệu quả.

Tổ chức các hoạt động hỗ trợ ngay từ đầu khóa cho sinh viên, diễn đàn trên Website: tại sao phải học, học để làm gì, học cái gì và học như thế nào? Biện pháp kích thích tính tự giác, tính chủ động và quyết tâm của chính bản thân sinh viên là yếu tố quan trọng góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

Đây là trách nhiệm của tất cả mọi người trong trường, trong đó phòng Công Tác Sinh Viên và Đoàn Thanh Niên có vai trò quan trọng.

Đề xuất 7: Tạo điều kiện chủ động hơn cho các khoa

Hiện nay nhà trường đã có sự phân cấp quản lý, điều này giúp trường hoạt động hiệu quả hơn. Nhưng thực tế những bất cập vẫn còn tồn tại trong phân cấp quản lý, nhiều việc tuy nhỏ nhưng cấp khoa chưa được chủ động giải quyết mà phải làm tờ trình xin được duyệt hoặc

phải chờ ý kiến chỉ đạo của cấp trên, gây mất nhiều thời gian, có ảnh hưởng nhất định tới tiến độ dạy, học thực hành, thực tập, ảnh hưởng tới chất lượng đào tạo.

Vì vậy, trường cần tạo điều kiện cho khoa chủ động hơn để giải quyết tính kịp thời trong công việc, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Đề xuất 8: Kiểm tra và quản lý công việc là cần thiết và quan trọng nên cần làm thường xuyên

Kiểm tra là để phát huy ưu điểm, ngăn ngừa khuyết điểm và ngăn chặn không để cho kẻ xấu chui vào bộ máy, trục lợi riêng cho bản thân. Giao công việc mà không kiểm tra, đến lúc thất bại mới chú ý đến thì thật là quan liêu, không hiệu quả.

Việc kiểm tra và quản lý còn được coi là nhiệm vụ quan trọng nó sẽ ngăn ngừa, chống lại những tệ nạn tham nhũng, hách dịch, rất dễ xảy ra trong cán bộ khi có chức có quyền. Còn đối với cán bộ công chức và người lao đông sẽ nghiêm túc hơn trong công việc của mình.

Đề xuất 9: Cần coi trọng hơn các phương pháp giáo dục

Vì giáo dục là động cơ thúc đẩy, là điều kiện cơ bản đảm bảo việc thực hiện mục tiêu kinh tế xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Giáo dục là chìa khóa để mở cửa vào tương lai. Nhưng trong các phương pháp giáo dục chúng ta đặc biệt chú ý:

Thứ nhất, phương pháp truyền thống của dân tộc là phương pháp nêu gương: Cha, mẹ, thầy cô giáo và những gương sáng có tác dụng rất lớn và đem lại hiệu quả nhất. Một hành vi xấu của thầy cô có thể làm tổn thương, làm mất niềm tin của cả một lớp. Ngược lại, một tấm gương sáng của thầy cô sẽ có cả một thế hệ noi theo.

Thư hai, Phương pháp phải nâng cao và hướng dẫn khả năng tự đào tạo cho người học: Trong qúa trình dạy học phải lấy tự học làm cốt lõi, phải nêu cao tác phong độc lập suy nghĩ và tự do tư tưởng cho người học, cái gì chưa hiểu thì mạnh dạn nêu ra thảo luận, không nên nhắm mắt tuân theo sách vở một cách xuôi chiều. Đây là một quan điểm hiện đại - biến quá trình đào tạo thành tự đào tạo, coi việc tự học là chính, giảng dạy của giáo viên là phương pháp hỗ trợ cho việc tự học có hiệu quả hơn chứ không thể thay thế việc tự đào tạo của người học, nhất là trong thời đại bùng nổ thông tin như hiện nay./.

PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA CÁC CƠ QUAN, DOANH NGHIỆP TRONG VIỆC NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG HIỆN NAY

Ths. Trịnh Công Tráng - BM Lý luận Chính trị

Như chúng ta biết, trong xu thế toàn cầu hóa hội nhập quốc tế, thế giới bước vào nền kinh tế tri thức khi mà ở đó khoa học công nghệ ngày càng có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội. Một nước mạnh hay yếu không phải là sự giàu có về tài nguyên thiên nhiên mà đó là vốn liếng từ bản thân con người, nguồn tri thức sáng tạo, phát huy và làm chủ khoa học công nghệ. Vì vậy đầu tư cho con người là đầu tư cho chiến lược phát triển dài hạn bền vững. Trong thời đại kinh tế tri thức, phát huy tối đa nguồn nhân lực đặc biệt nguồn nhân lực chất lượng cao là một lợi thế so sánh rất lớn. Như văn kiện đại hội Đảng lần thứ XI đã khẳng định: "Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao là một đột phá chiến lược, là yếu tố quyết định đẩy mạnh phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ, cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng và là lợi thế cạnh tranh quan trọng nhất, bảo đảm cho phát triển nhanh hiệu quả và bền vững". Để đáp ứng được nhu cầu đó thì giáo dục và đào tạo có một vai trò hết sức quan trọng và Đảng ta cũng đã xác định: " Phát triển giáo dục đào tạo là quốc sách hàng đầu. Đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục Việt Nam theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế". Hiện nay, các trường Đại học trong hệ thống giáo dục Việt Nam là nơi đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cung ứng cho xã hội thúc đẩy phát triển nền kinh tế thì việc đổi mới để phù hợp với thực tiễn đất nước và bối cảnh quốc tế như là một tất yếu khách quan. Trong đó, việc liên kết giữa cơ sở đào tào và các cơ quan doanh nghiệp tức là mối quan hệ giữa cung lao động và cầu lao động là một trong những vấn đề cấp bách và thiết thực trong việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ cho quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa, phù hợp với mối quan hệ thống nhất học đi đôi với hành, lý luận gắn với thực tiễn.

Trên con đường đổi mới và hội nhấp Trường Đại học Nha Trang đã đang và sẽ tiếp tục phát triển phấn đấu trở thành một trong những trường Đại học hàng đầu của khu vực và trên cả nước. Thực hiện sứ mệnh của mình. Nhà trường đã không ngừng tự đổi mới vươn lên với mục tiêu cơ bản được xác định không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo phấn đấu trở thành một trường đại học định hướng nghiên cứu trong tương lai. Để cụ thể hóa quan điểm đó một trong những việc làm cụ thể đó là xác định mối quan hệ giữa Nhà trường với các cơ quan doanh nghiệp có vai trò hết sức quan trọng nhằm góp phần thực hiện thành công sứ mệnh trên.

1. Thực trạng mối quan hệ giữa cơ quan doanh nghiệp với Nhà trường trong việc nâng cao chất lượng đào tạo

Vấn đề mối quan hệ giữa Nhà trường và các cơ quan doanh nghiệp ở nước ta nói chung và ở trường Đại học Nha trang nói riêng nhìn chung đang còn có những khoảng cách lớn và nhiều bất cập. Ở đó đang có sự tách rời khá lớn các cơ quan doanh nghiệp chưa được tham gia và đóng góp nhiều cho việc xây dựng chương trình đào tạo một cách chi tiết, bài bản và thường xuyên vì vậy kiến thức sinh viên sau khi ra trường chưa đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động và các nhà tuyển dụng. Việc liên kết giữa Nhà trường và cơ quan doanh nghiệp chắc chắn sẽ mang lại lợi ích cho cả hai phía và xã hội. Phía cơ quan doanh nghiệp sẽ cung cấp thông tin để các cơ sở đào tạo nắm được nhu cầu của thị trường lao động. Hoạt động của nhà trường luôn hướng tới nhu cầu của doanh nghiệp. Nếu Nhà trường đảm bảo cung cấp nguồn nhân lực đáp ứng đúng nhu cầu cơ quan doanh nghiệp thì đó là điều tốt nhất cho sự phát triển . Các cơ quan doanh nghiệp được hợp tác với nhà trường cũng là nhu cầu thiết thực nhất của chính doanh nghiệp. Do đó, mối liên hệ này vừa mang tính tất yếu, vừa mang tính khả thi cao nhất

Trường Đại học Nha Trang là một trong những trường đại học đa ngành. Hiện nay, với một quy mô đào tạo đa nghành số lượng sinh viên của trường đã không ngừng tăng lên (hơn 21 nghìn), với 29 chuyên nghành đào tạo bậc đại học, 9 chuyên nghành đào tạo cao đẳng, 7 chuyên nghành đào tạo thạc sỹ và 4 chuyên nghành đào tạo nghiên cứu sinh cung cấp nguồn nhân lực chủ yếu cho khu vực miền trung Tây nguyên và cả nước. Trong những năm qua, Nhà trường đã bước đầu tiến hành đổi mới toàn diện nhằm nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo theo học chế tín chỉ. Đào tạo từ hướng cung sang đào tạo theo hướng cầu theo nhu cầu của xã hội đòi hỏi sự gắn kết giữa nhà trường và các cơ quan doanh nghiệp là một việc tối cần thiết. Nhà trường đã có nhiều giải pháp căn cơ để tăng cường và phát huy mối quan hệ này như tổ chức hội thảo với các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh, soạn thảo chương trình chuẩn đầu ra, ngày hội việc làm qua đó tìm hiểu về thị trường lao động và nắm bắt các thông tin phản hồi về chất lượng đào tạo từ phía các cơ quan doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, Nhà trường đã thành lập trung tâm tư vấn hộ trợ sinh viên kết hợp với các Khoa, Viện nhằm tổ chức các dịch vụ việc làm, liên hệ sinh viên đi thực tập cuối khóa, thực tế, hướng nghiệp, kết nối với các doanh nghiệp tìm kiếm thông tin và nhu cầu việc làm từ các nhà tuyển dụng. Hàng năm Nhà trường gửi các sinh viên đến thực tập tại các công ty doanh nghiệp trong và ngoài khu vực để thực hiện các đồ án tốt nghiệp, giải quyết các vấn đề trong thực tế từ đó các cơ quan doanh nghiệp đã trực tiếp thông báo tuyển các sinh viên tốt nghiệp của trường.

Hiện nay, Nhà trường là nơi xâu đầu mối phối kết hợp với các Khoa, Viện và Trung tâm đã liên kết được với rất nhiều cơ quan doanh nghiệp trong và ngoài khu vực như: Công ty cổ

phần cà phê Mê Trang, Ngân hàng SHB, Công ty cổ phần Viễn thông FPT, Công ty TNHH ô tô Quyết Thắng, Công ty TNHH MTV XK thủy sản Khánh Hòa, Công ty CP Thủy sản 584 Nha Trang, Công ty Cơ khí Vina, Công ty Saigon Tourist Nha Trang, Khách sạn Sheraton Nha trang, BGĐ Tập đoàn tôm giống Nam Mỹ Việt Nam, Công ty TNHH Long Sinh, Công ty CP Nha Trang Seafoods - F17...vv có thể nói đây là những thành quả đáng ghi nhận trong hoạt động đối ngoại của nhà trường từng bước gắn kết giữa nhà trường với nhu cầu của các cơ quan doanh nghiệp.

Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn nhiều hạn chế bất cập như. Việc tổ chức lấy ý kiến các chuyên gia và người sử dụng lao động chưa được sâu rộng, nên nội dung chương trình đào tạo chưa sát với nhu cầu của nhà tuyển dụng và xã hội. Việc thu thập thông tin về nhu cầu đào tạo, chất lượng đào tạo của các Khoa, Viện còn hẹp chưa đầy đủ, biên soạn giáo trình tài liệu chưa cơ sự tham gia ý kiến đóng góp ý kiến rộng rãi từ doanh nghiệp và xã hội. Phát huy vai trò của các cựu sinh viên và sinh viên thành đạt chưa thực sự hiệu quả và thiết thực. Chưa có cơ chế trách nhiệm và quyền lợi nên sự gắn kết này chưa thường xuyên, chặt chẽ. Việc nắm bắt tình hình sinh viên sau khi ra trường có việc làm chưa đầy đủ và khó thực hiện.

Chính từ những thành tựu và hạn chế đó mà Nhà trường cần hoạch định chính sách ngắn hạn, trung hạn và dài hạn trong việc đổi mới nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu đòi hỏi khắt khe của thi trường lao động và ngày càng khẳng định được mình trong làng Đại học Việt Nam.

2. Mối liên hệ tương tác giữa Nhà trường với các cơ quan doanh nghiệp

Từ thực tiễn của đất nước và bối cảnh quốc tế tác động, hiện nay nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là điều kiện quan trọng nhất đảm bảo sức cạnh tranh cho doanh nghiệp cả trong nước và vươn ra thị trường nước ngoài đặc biệt là những thị trường khó tính như EU, Nhật , Mỹ…vì thế nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường, thúc đẩy phát triển kinh tế đáp ứng đòi hỏi ngày càng cao của thị trường lao động thì sự hợp tác giữa Nhà trường và các cơ quan doanh nghiệp là thực sự cần thiết thậm chí đó là một khâu đột phá trong giai đoạn hiện nay.

Trong xây dựng chương trình học phần bao giờ cũng phải đảm bảo hai yếu tố lý thuyết và thực hành. Tuy nhiên không phải cơ sở đào tạo nào cũng có thể đáp ứng nhu cầu đầy đủ cơ sở thực hành cho sinh viên. Việc thực tập gần như phải dựa hoàn toàn vào các cơ sở của xã hội như các cơ quan đặc biệt là khối doanh nghiệp là một khâu hết sức quan trọng trong quy trình đào tạo, là công đoạn đánh giá, kiểm định chất lượng đào tạo của Nhà trường vừa giúp Sinh viên tự đánh giá năng lực của mình, vừa giúp Nhà trường rà soát điều chỉnh lại mục tiêu, nội dung, chương trình đào tạo ngày càng hiệu quả và phù hợp với xu thế chung.

Sự thành công hay thất bại của các cơ quan doanh nghiệp tất cả đều do yếu tố con người là gốc của mọi vấn đề, là then chốt của mọi then chốt. Chất lượng nguồn nhân lực tác động và quyết định. Nhưng hiện nay, trong khi đòi hỏi của các doanh nghiệp ngày càng khắt khe hơn, kéo theo đó là vấn đề thất nghiệp ngày càng gia tăng khi quy mô và chương trình đào tạo không gắn với nhu cầu xã hội (hiện nay theo báo cáo của Bộ lao đông Thương binh và xã hội tính đến năm 2015 cả nước có hơn 199 nghìn cử nhân và thạc sỹ thất nghiệp). Sinh viên ra trường đi làm thì các nhà tuyển dụng cũng phải trả lương không một năm để đào tạo lại và làm quen với công việc. Song song với đó, từ trước đến nay các trường đại học chỉ đào tạo cái mình có mà chưa quan thực sự quan tâm đến nhu cầu thị trường, nhu cầu các cơ quan doanh nghiệp cần có nghĩa là cơ sở đào tạo chưa biết và cũng không có nhu cầu biết sinh viên mình đào tạo ra đáp ứng được nhu cầu thị trường đến đâu, còn thiếu những gì, và xã hội chấp nhận bao nhiêu. Bên cạnh đó sự thiếu kỹ năng, định hướng nghề nghiệp và chưa thành thạo trong việc kết hợp giữa lý thuyết và thực hành

Như vậy, buộc các cơ quan doanh nghiệp phải liên kết hợp tác thường xuyên với các cơ sở đào tạo và đồng thời các trường đại học cũng phải chú trọng đến nhu cầu và sự đòi hỏi của thị trường lao động, nhu cầu các doanh nghiệp. Có thể nói đây là mối quan hệ biện chứng không thể tách rời là sự thống nhất của các mặt, mặt này lấy mặt kia làm tiền đề. Ở đó cơ sở đào tạo cung cấp cho doanh nghiệp những sinh viên xuất sắc được đào tạo bài bản ngược lại các doanh nghiệp lại là nơi gắn kết giữa lý thuyết thực hành đảm bảo nơi thực tập tốt nhất, kiểm định chất lượng đào tạo và giải quyết việc làm cho sinh viên. Ngoài ra, còn là nơi trao đổi, thương mại hóa, ứng dụng thành tựu nghiên cứu, trợ cấp kinh phí nâng cao chất lượng đào tạo.

Mối quan hệ giữa Nhà trường và các cơ quan doanh nghiệp đã đang và sẽ tiếp tục mang lại lợi ích thiết thực cho cả hai bên. Các cơ quan doanh nghiệp tham gia vào quá trình đào tạo như một hình thức đầu tư và phát triển có thêm quyền lựa chọn nguồn nhân lực cho mình, đáp ứng được yêu cầu, giảm bớt thời gian và kinh phí đào tạo lại, bên cạnh đó là một kênh rất tốt để quảng bá hình ảnh của mình với xã hội trong việc thực hiện xã hội hóa giáo dục. Sự hợp tác này sẽ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, giải quyết bài toán đầu ra cho sinh viên, giảm tải các tiêu cực trong hoạt động giáo dục đồng thời nhà trường tăng cường tự chủ hơn về tài chính và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư. Sự hợp tác cho phép sinh viên tự điều chỉnh nhận thức, nâng cao động lực và kiến thức, kỹ năng chuyên môn và thực tiễn cuộc sống, tăng cơ hội tìm việc làm và giảm thiểu những phí tổn về tài chính, thời gian…Đây cũng là cơ hội để Nhà trường đưa ra các gói dịch vụ đào tạo khác nhau từ đó cải thiện chất lượng đào tạo cũng như thương hiệu của Nhà trường.

Sự liên kết chặt chẽ gắn bó lâu dài giữa nhà trường và các cơ quan doanh nghiệp đòi cần có sự mở rộng cả chiều rộng lẫn chiều sâu. Nhà trường cần tiếp xúc với doanh nghiệp để nâng

cao chất lượng đào tạo cho sinh viên, định hướng các lợi ích để mang lại sự hài hòa cho sinh viên và doanh nghiệp. bên cạnh đó cần đẩy mạnh mối quan hệ hơn nữa, gắn kết hơn nữa để tìm kiếm đào tạo và nâng cao chất lượng đào tạo. Vì vậy đây là yêu cầu tất yếu khách quan trên tinh thần: " Học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, giáo dục nhà trường gắn liền với giáo dục của gia đình và giáo dục xã hội".

3. Một số định hướng cơ bản nhằm phát huy vai trò của các cơ quan doanh nghiệp trong việc nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo ở Trường Đại học Nha Trang trong giai đoạn hiện nay

Để nâng cao hiệu quả liên kết đào tạo giữa nhà Trường và các cơ quan doanh nghiệp cần có các biện pháp phù hợp với từng nghành nghề, từng lĩnh vực, từng doanh nghiệp từng giai đoạn, loại hình khác nhau cụ thể như: Liên kết thường xuyên giữa nhà trường với các cơ quan doanh nghiệp trong thực hiện quy trình đào tạo thông qua thực hành thực tập cho sinh viên, Liên kết giữa người cung ứng nhân lực với người sử dụng lao động thông qua việc tuyển dụng sau đào tạo nhằm giải quyết bài toàn đầu ra sau đào tạo, Cơ quan doanh nghiệp tuyển dụng người lao động sau đó gửi các cơ sở đào tạo đào tạo theo yêu cầu, Tổ chức đào tạo bồi dưỡng ngay tại cơ quan doanh nghiệp thông qua mời các cơ sở đào tạo đến giảng dạy hướng dẫn nâng cao chất lượng và tay nghề người lao động, Nhà trường xây dựng giới thiệu chương trình nội dung thời gian đào tạo để doanh nghiệp góp ý bổ sung theo yêu cầu của người sử dụng lao động, Cơ quan doanh nghiệp sử dụng các gói học bổng và cơ sở vật chất cho sinh viên và cơ sở đào tạo.

Để mối quan hệ này ngày càng gắn kết và có hiệu quả cần phải thực hiện đồng bộ một số giải pháp cơ bản sau đây.

Một là, Nhà trường phải có cơ chế để các cơ quan doanh nghiệp có cơ hội tham gia biên soạn chương trình đào tạo thông qua các hội nghị hội thảo. Đây là cách thức hiệu quả để Nhà trường nắm được những kiến thức chuyên môn cũng như tư chất mà doanh nghiệp rất cần ở sinh viên.

Hai là, thường xuyên điều chỉnh chương trình đào tạo phù hợp, kịp thời sẽ giúp Nhà trường có được những sản phẩm cập nhật hơn, hiện đại hơn, thích ứng hơn với quá trình đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh của các cơ quan doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường, tạo ra sự linh hoạt cho Nhà trường để nâng cao tính tự chủ, tính khoa học và tính thích ứng cao của chương trình đào tạo.

Ba là, tạo ra cơ chế thông thoáng hơn nữa để các cựu sinh viên đang làm việc tại các cơ quan doanh nghiệp có liên hệ thường xuyên với Nhà trường nhằm trao đổi kinh nghiệm đây là con đường hiệu quả, thiết thực nhất nhằm nâng cao hiệu quả kết nối.

Bốn là, tăng cường hơn nữa cho sinh viên tiếp cận doanh nghiệp sớm hơn trong chương trình đào tạo thông qua thực tế, thực tập nhằm tích lủy kinh nghiệm và kiến thức thực tiễn.

Năm là, các doanh nghiệp có thể tham gia chấm hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp, tham gia giảng dạy một số học phần lý thuyết hoặc chuyên đề phù hợp với năng lực thực tế.

Sáu là, thành lập các trung tâm nghiên cứu và đào tạo phục vụ doanh nghiệp ngay trong Nhà trường từ chương trình đào tạo, hình thức đào tạo đến đối tượng đào tạo.

Bảy là, tổ chức nhiều hơn nữa các hội nghị giao lưu doanh nghiệp và sinh viên mang tính ngoại khóa và một số hoạt động mang tính động viên hộ trợ cho sinh viên.

Tám là, cần ban hành và có những chính sách cụ thể đồng bộ để khuyến khích sự kết hợp giữa Nhà trường và doanh nghiệp tạo cơ sở pháp lý để mối liên hệ này mang tính quy định và ràng buộc lợi ích lẫn nhau.

Danh mục tài liệu tham khảo

1 . Văn kiện đại hội Đảng lần thứ XI

2 . Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường lần thứ 20 nhiệm kỳ 2015 - 2020

THAY ĐỔI ĐỘNG CƠ HỌC TẬP HỌC PHẦN TÂM LÍ HỌC ĐẠI CƯƠNG Ở SINH VIÊN NĂM THỨ NHẤT

Ths. Đinh Thị Sen - Bộ môn KHXH&NV

1.Tóm tắt

Động cơ tâm lí nói chung và động cơ học tập nói riêng giữ một vai trò hết sức quan trọng, nó có khả năng định hướng và làm động lực thúc đẩy hoạt động học tập của sinh viên, chính vì vậy việc nghiên cứu động cơ tâm lí, động cơ học tập, phân loại động cơ học tập để từ đó có các biện pháp hỗ trợ làm thay đổi động cơ học tập theo hướng tích cực để nâng cao kết quả học tập của sinh viên là việc làm cần thiết.

2. Đặt vấn đề

Động cơ tâm lí là những hiện tượng tâm lí tích cực giữ vai trò làm động lực thúc đẩy con người thực hiện đến cùng mục đích đã đề ra.

Trong Tâm lí học thì động cơ là tổ hợp những hiện tượng tâm lí tích cực nhất, giữ vị trí trung tâm của nhân cách, các nhà Tâm lí học cho rằng động cơ giữ vai trò then chốt trong quá trình hoạt động để chiếm lĩnh đối tượng của mỗi cá nhân, trong học tập chính động cơ tạo ra sự hứng thú, say mê, duy trì và thúc đẩy người học thực hiện các hoạt động học tập nhằm đạt được kết quả học tập tốt nhất.

Tâm lí học đại cương là một học phần cung cấp cho người học toàn bộ những kiến thức cơ bản nhất về tâm lí người, kiến thức hoàn mới, lạ so với ở bậc phổ thông, lại là học phần tự chọn cho nên việc tác động để hình thành, phát triển động cơ học tập ở sinh viên là việc làm không dễ.

Sinh viên năm thứ nhất là những người mới bước chân vào giảng đường đại học, với nhiều mục đích và động cơ lĩnh hội kiến thức nghề nghiệp khác nhau, tuy nhiên tất cả đối với các em còn mới lạ, từ kiến thức đến các mối quan hệ… đều có thể tác động đến động cơ học tập của các em, làm cho động cơ của các em có thể thay đổi theo chiều hướng tích cực hoặc tiêu cực, nó có thể thúc đẩy hoạt động học tập của cá nhân đạt được kết quả tốt hơn hoặc kém đi. Chính vì vậy chúng tôi muốn đề cập ở khía cạnh tác động để thay đổi động cơ học tập theo hướng tích cực nhằm giúp các em đạt được thành tích học tập tốt hơn.

3. Cơ sở lí luận của vấn đề

3.1. Động cơ

Động cơ là một vấn đề mà các nhà tâm lí học cho rằng nó là trung tâm của nhân cách, có nhiều quan điểm khác nhau về động cơ:

Các nhà tâm lí học tư sản cho rằng động cơ chính là các yếu tố bản năng, nó là nguồn năng lượng chủ yếu thúc đẩy con người hoạt động.

Các nhà tâm lí học Nga cho rằng những đối tượng đáp ứng nhu cầu này hay nhu cầu khác nằm trong hiện thực khách quan một khi chúng bộc lộ ra, được chủ thể nhận biết sẽ thúc đẩy, hướng dẫn con người hoạt động, khi ấy nó trở thành động cơ của hoạt động.

Động cơ là yếu tố tâm lí bên trong như: nhu cầu, hứng thú, tình cảm, ý chí…thúc đẩy con người hành động[6].

A.N. Leonchiev cho rằng: "Sự hình thành nhân cách con người biểu hiện về mặt tâm lí trong sự phát triển về mặt động cơ của nhân cách"[1].

X.L. Rubinxtein lại quan niệm: "Động cơ là sự quy định về mặt chủ quan hành vi của con người bởi thế giới, sự quy định này được thực hiện gián tiếp bằng quá trình phản ánh động cơ đó"[2].

Dương Thị Kim Oanh cho rằng: " Động cơ là yếu tố tâm lí phản ánh đối tượng có khả năng thỏa mãn nhu cầu của chủ thể, nó định hướng thúc đẩy và duy trì hoạt động của chủ thể nhằm chiếm lĩnh đối tượng đó"[5].

Theo J.Piaget: "Động cơ là tất cả các yếu tố thúc đẩy cá thể hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu và định hướng cho hoạt động đó"[4].

Dựa vào các tiêu chí và các quan điểm khác nhau, động cơ cũng được phân thành nhiều loại khác nhau, theo cuốn Tâm lí học đại cương của Nguyễn Quang Uẩn chủ biên, động cơ được phân loại như sau[6]:

- Nếu dựa vào tính chất hình thành động cơ, có động cơ ham thích và động cơ nghĩa vụ .
- Dựa vào mục tiêu và nhu cầu của cá nhân, có động cơ quá trình và động cơ kết quả.
- Dựa vào kích thích tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến động cơ có động cơ gần và động cơ xa.
- Dựa vào điều kiện tác động khách quan, chủ quan có động cơ bên trong và động cơ bên ngoài
- Dựa vào sự tác động của môi trường có động cơ cá nhân và động cơ xã hội…

Từ những quan niệm trên chúng tôi hiểu rằng động cơ là sự phản ánh tâm lí những đối tượng làm thỏa mãn nhu cầu và định hướng, thúc đẩy hoạt động cá nhân.

3.2. Động cơ học tập

3.2.1. Khái niệm động cơ học tập

Học tập là một hoạt động đặc thù nằm trong chuỗi các hoạt động sống của mỗi cá nhân, để thực hiện được tốt nó cần có động lực thúc đẩy để cá nhân hoàn thành mục tiêu và nhiệm vụ học tập. Như vậy dựa vào khái niệm động cơ, động cơ học tập được hiểu như sau:

Động cơ học tập là toàn bộ những yếu tố tâm lí phản ánh các đối tượng làm thỏa mãn nhu cầu, định hướng và thúc đẩy hoạt động học tập của cá nhân.

Động cơ học tập của sinh viên nằm ở chính đối tượng của hoạt động học tập (tri thức, kỹ năng…) nó được biểu hiện ra bên ngoài là sự khát khao tìm hiểu, khám phá tri thức, yêu

thích môn học, học tập với sự say mê, hứng thú cao. Động cơ học tập không có sẵn, cũng không thể áp đặt, mà được hình thành trong quá trình học tập dưới sự dẫn dắt của người thầy. Qua mỗi buổi học người thầy biết dẫn dắt, tổ chức cho sinh viên khám phá ra cái mới, cái hữu ích của môn học thì từ việc bắt buộc phải học chuyển thành học một cách tự nguyện với ý thức tự giác cao, mang lại kết quả học tập tốt.

Tóm lại động cơ học tập được hình thành và phát triển, thay đổi trong từng tiết học thông qua hoạt động dạy - học của thầy và trò.

3.2.2. Phân loại động cơ học tập

Để phân loại động cơ học tập đã có nhiều tác giả đưa ra các tiêu chí và phân loại khác nhau, ở phạm vi của bài viết chúng tôi dựa vào sự phân loại của động cơ nói chung và đối tượng trực tiếp của hoạt động học tập cũng như các đối tượng và yếu tố trong môi trường học tập tác động hình thành động cơ để đưa ra tiêu chí và phân loại động cơ học tập của sinh viên ra ba nhóm như sau:

- Dựa vào đối tượng của hoạt động học tập có động cơ nhận thức và động cơ xã hội.
- Dựa vào mục tiêu và nhu cầu học tập có động cơ quá trình và động cơ kết quả.
- Dựa vào các yếu tố tác động từ môi trường học tập có động cơ bên ngoài và động cơ bên trong.

Dựa vào các nhóm động cơ học tập này chúng tôi đưa ra biện pháp thay đổi để nâng cao động cơ học tập của sinh viên.

4. Thay đổi động cơ học tập của sinh viên

4.1. Động cơ nhận thức và động cơ xã hội

Động cơ nhận thức được hình thành từ đối tượng của hoạt động học, đó chính là hệ thống kiến thức, kỹ năng, thái độ của môn học. Các em học tập vì chính sự hấp dẫn lôi cuốn của bản thân kiến thức, cách tiếp cận vấn đề, hay phương pháp lĩnh hội kiến thức của bài học. Trước mỗi buổi học là sự hăm hở, chờ đợi để được học, được trao đổi với thầy cô và bạn bè làm sáng tỏ những vấn đề mà bản thân chưa biết. Nhưng trên thực tế nhiều sinh viên đến với môn học một cách hời hợt, thụ động trong việc tiếp thu kiến thức. Vậy làm như thế nào để thay đổi động cơ này ở họ? Chúng tôi đã thay đổi họ, lôi cuốn bằng cách đặt các câu hỏi mang tính gợi mở, gắn kiến thức với các tình huống thực tế ngoài cuộc sống, giảm bớt yêu cầu tiếp nhận kiến thức máy móc mà thiên về tiếp nhận và giải quyết các tình huống trong thực tế, các tình huống này thường gắn liền với cuộc sống của sinh viên.

Động cơ xã hội được hình thành từ các mối quan hệ của cá nhân với những người xung quanh, như học vì bố mẹ mong muốn, muốn chứng tỏ với bạn bè, học vì công việc, vì tương lai sau này… chính những lí do này khiến cho người học hứng thú với môn học. Nhược điểm của động cơ này là phụ thuộc vào các mối quan hệ xung quanh nên dễ bị thay đổi, ảnh

hưởng đến tính ổn định của động cơ cá nhân. Để tận dụng được ưu điểm của nhóm động cơ này chúng ta đặt các câu hỏi thảo luận, nhiệm vụ học tập theo nhóm để tạo tính ganh đua, đồng thời cũng tạo sự hỗ trợ lẫn nhau giữa các sinh viên trong nhóm. Chính các nhiệm vụ học tập dần dần lôi cuốn, hấp dẫn họ, động cơ xã hội đã chuyển sang động cơ nhận thức một cách bền vững.

4.2. Động cơ quá trình và động cơ kết quả

Động cơ quá trình được hình hành trong quá trình giải quyết các nhiệm vụ của hoạt động học tập, chính cách thức, phương pháp giải quyết vấn đề của môn học tạo nên sự hấp dẫn, lôi cuốn, làm thỏa mãn nhu cầu người học. Ban đầu khi giao nhiệm vụ nhiều sinh viên tỏ ra thờ ơ, thực hiện một cách thiếu trách nhiệm nhưng dần dần họ khá thích thú với các câu hỏi tình huống gợi mở gắn liền với thực tế khiến người học phải tìm tòi, khám phá để hoàn thành nhiệm vụ, sẽ phát hiện ra những yếu tố bổ ích, lí thú từ thực tế giúp họ tích cực, hăng hái tìm kiếm kiến thức hơn.

Động cơ kết quả biểu hiện ở sự thỏa mãn về kết quả điểm số và các phần thưởng mà bản thân người học đạt được, chính điểm số, phần thưởng, bằng cấp là động cơ phấn đấu của người học. Với loại động cơ này chúng ta sẽ kích thích bằng các lời khen, điểm thưởng của giáo viên đồng thời là sự tán dương của tập thể lớp sẽ khích lệ người học tự tin để củng cố thêm động cơ nhận thức của họ.

4.3. Động cơ bên trong và động cơ bên ngoài

Động cơ bên trong chính là đối tượng của hoạt động học (kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo) làm thỏa mãn nhu cầu nhận thức của người học, khi có động cơ này người học sẽ chỉ quan tâm đến quá trình lĩnh hội kiến thức của môn học mà không bị ảnh hưởng đến các yếu tố khác như điểm thưởng, phạt… của thầy cô, học để lấy kiến thức là sự quan tâm lớn nhất, nó mang tính bền vững. Vậy làm như thế nào để hình thành và duy trì động cơ bên trong ở sinh viên? Cung cấp giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo, hệ thống câu hỏi lí thuyết và thực hành đầy đủ, xây dựng mục tiêu môn học cụ thể cho mỗi chủ đề, giúp sinh viên nhận thức tốt được từng mục tiêu của môn học, tổ chức hướng dẫn họ chủ động lĩnh hội kiến thức.

Động cơ bên ngoài là những yếu tố từ môi trường học tập tác động thúc đẩy lên quá trình học tập của sinh viên. Họ đi học vì bầu không khí học tập của lớp, vì bạn bè, vì sợ bị điểm danh, vì điểm thưởng hoặc do thầy cô… các yếu tố này đã lôi cuốn họ đến lớp học. Như vậy với động cơ này thì người học coi học tập là phương tiện để thỏa mãn các nhu cầu khác của cá nhân mà không quan tâm thực sự đến kiến thức môn học. Chúng ta cũng có thể tác động để sinh viên chuyển hướng động cơ bên ngoài thành động cơ bên trong bằng cách tổ chức các hoạt động học tập như: tổ chức học theo nhóm, thảo luận cặp đôi, nêu các tình huống có vấn đề…để sinh viên nhận thấy sự hấp dẫn và giá trị của kiến thức môn học đối với hoạt thực tiễn cá nhân, từ đó sẽ có sự chuyển hướng từ động cơ bên ngoài thành động cơ bên trong.

Tóm lại các động cơ học tập có thể cùng hình thành, tồn tại và có thể chuyển hóa cho nhau, trong đó động cơ nhận thức và động cơ bên trong giữ vai trò chính trong việc duy trì và thúc đẩy các hoạt động học tập.

5. Kết luận

Động cơ nói chung và động cơ học tập nói riêng có vai trò hết sức quan trọng trong hoạt động học tập của sinh viên, việc phân loại động cơ học tập giúp chúng ta dễ dàng nhận dạng được các động cơ học tập để có các biện pháp tác động, hỗ trợ cho các động cơ chính, giúp sinh viên nâng cao động cơ học tập để có thành tích học tập tốt hơn.

6. Đề xuất

- Quan tâm, chia sẻ với tâm tư nguyện vọng của sinh viên, biết họ cần gì và muốn gì ở môn học, để có các biện pháp tác động phù hợp.

- Phát phiếu hỏi sinh viên ngay từ buổi đầu tìm hiểu thông tin cá nhân, lí do lựa chọn môn học, giáo viên chủ động phân chia sinh viên trong lớp ra thành từng nhóm học nhỏ và có sự sắp xếp xen kẽ giữa các sinh viên có các động cơ học tập khác nhau cùng học nhóm với nhau.

- Cập nhật giáo trình, bài giảng, tài liệu học tập thường xuyên.

- Trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy phải đảm bảo luôn ở trạng thái sử dụng được.

7. Tài liệu tham khảo

1. A.N. Leonchiep (1989), *Hoạt động -Ý thức -Nhân cách*, Nxb Giáo dục, (Bản dịch của Phạm Minh Hạc, Phạm Hoàng Gia, Phạm Huy Châu).

2. Lê Thị Bừng (Chủ biên) (2008), *Các thuộc tính tâm lí điển hình của nhân cách*, Nxb Đại học sư phạm.

3. Dương Thị Diệu Hoa (Chủ biên) (2011), *Tâm lí học phát triển*, Nxb Đại học sư phạm.

4. Lê Văn Hồng - Lê Ngọc Lan - Nguyễn Văn Thàng (2001), *Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học Sư phạm*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

5. Dương Thị Kim Oanh (2013), *Một số hướng tiếp cận trong nghiên cứu động cơ học tập*, Tạp chí khoa học Đại học Sư phạm tp Hồ Chí Minh.

6. Nguyễn Quang Uẩn (Chủ biên), (2001), *Tâm lí học đại cương*, Nxb Đại học Quốc gia Hà nội.

GIẢI PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN ĐỐI VỚI HỌC PHẦN THỰC HÀNH VĂN BẢN TIẾNG VIỆT TRONG ĐIỀU KIỆN LỚP ĐÔNG

Ths. Lê Thị Thanh Ngà - Bộ môn KHXH&NV

A. Đặt vấn đề

1. Tự học là gì?

"Tự" là phó từ luôn đi kèm với động từ để biểu thị hành động được nói đến là do chính chủ thể làm hoặc gây ra chỉ bằng sức lực, khả năng của riêng mình[1].

"Học" là động từ, thu nhận kiến thức, rèn luyện kĩ năng do người khác truyền lại[2].

Vậy, "Tự học" là hoạt động / quá trình người học thu nhận kiến thức, rèn luyện kĩ năng do người khác truyền lại chỉ bằng sức lực, khả năng của riêng mình.

Nhưng có hoạt động học nào lại được chủ thể thực hiện không bằng sức lực hay khả năng của riêng mình?.

Do đó phải hiểu "tự" trong "tự học" là "tự giác": tự mình hiểu mà làm không cần nhắc nhở, đốc thúc [3].

Như vậy "tự học" là "tự giác học": là hoạt động / quá trình người học thu nhận kiến thức, rèn luyện kĩ năng do người khác truyền lại không cần nhắc nhở, đốc thúc.

Như vậy để "tự học" thì người học phải tích cực, chủ động sử dụng các năng lực trí tuệ, phẩm chất của bản thân để người học chiếm lĩnh được tri thức của nhân loại và những kinh nghiệm lịch sử xã hội, biến những tri thức đó thành của mình, hình thành kỹ năng, thái độ và ngày càng hoàn thiện bản thân.

Tự học của sinh viên trong trường Đại học được hiểu một cách cụ thể hơn là quá trình bản thân sinh viên tích cực, độc lập, tự giác chiếm lĩnh tri thức, kỹ năng, kỹ xảo từ sách vở, tài liệu tham khảo; từ thầy; từ bạn... bằng những phương pháp phù hợp.

2. Biểu hiện của ý thức tự học

Một sinh viên có ý thức tự học tốt phải là người có mục tiêu học tập rõ ràng, cụ thể, biết xây dựng kế hoạch học tập để đạt được mục tiêu đó.

Một sinh viên có ý thức tự học tốt phải là người biết cách sắp xếp thời gian học tập: Học tập trên lớp, nghiên cứu tài liệu mọi nơi mọi lúc ngay cả trong vui chơi giải trí hoặc học qua mạng Internet.

Trên lớp một người có ý thức tự học tốt chính là người tập trung nghe giảng, hăng hái phát biểu xây dựng bài, nêu câu hỏi đối với giảng viên.

Người có ý thức tự học tốt còn là người luôn tìm thấy những điều đáng học hỏi trong cuộc sống xung quanh, ngay từ những điều nhỏ nhặt nhất, biến nó thành vốn sống, kỹ năng sống cho bản thân.

3. Vai trò của giảng viên đối với hoạt động tự học của sinh viên

Vậy phải chăng khi người học có ý thức tự học thì vai trò của giảng viên không còn nữa? Song có thể thấy để sinh viên tự học thì vai trò của giảng viên càng nặng nề và trở nên quan trọng hơn. Giảng viên lúc này không chỉ là người truyền kiến thức, kỹ năng mà còn có vai trò quan trọng hàng đầu trong việ định hướng và kích thích ý thức tự học cho sinh viên.

Các công việc giảng viên phải thực hiện để việc tự học của sinh viên đạt hiệu quả gồm:

- Xây dựng chương trình học phần.
- Xây dựng chương trình giảng dạy học phần.
- Thông báo cụ thể và chi tiết kế hoạch thực hiện chương trình học phần, hệ thống tài liệu, nguồn tài liệu tham khảo đến từng sinh viên.
- Hướng dẫn sinh viên tự hoàn thiện bài học sau khi lên lớp.
- Hướng dẫn sinh viên chuẩn bị bài của tiết học kế tiếp.
- Thiết kế hoạt động nhóm cho sinh viên.
- Đánh giá kết quả học tập (tự học và học).

Trong phương thức đào tạo theo tín chỉ, khi hoạt động tự học là một thành phần bắt buộc trong cơ cấu thời khóa biểu thì cần phải có cách thức kiểm tra - đánh giá thực sự hiệu quả hoạt động tự học này. Nếu giảng viên chỉ giao nhiệm vụ tự học mà không tổ chức kiểm tra, đánh giá thì hoạt động học tập này chỉ mang tính hình thức, đối phó mà không đem lại kết quả như mong muốn. Giảng viên thường xuyên đánh giá sinh viên trong suốt quá trình của học phần thông qua các hình thức kiểm tra đa dạng như bài tập cá nhân; bài tập nhóm; bài tập lớn và các bài thi giữa kỳ, cuối kỳ. Qua đó hình thành cho sinh viên cách làm việc nghiêm túc, tính tích cực, ý chí phấn đấu vươn lên để đạt kết quả cao trong học tập và phân loại được sinh viên.

Có thể thấy việc đánh giá kết quả tự học là một việc làm giúp nâng cao ý thức, trách nhiệm, chất lượng hoạt động tự học của sinh viên. Song giải pháp nào để thực hiện hiệu quả công việc này? Đặc biệt là với những lớp đông sinh viên?

B. Giải pháp đánh giá kết quả tự học của sinh viên trong điều kiện lớp đông đối với học phần Thực hành văn bản tiếng Việt

1. Giới thiệu về học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về văn bản và văn bản luật, văn bản dưới luật, văn bản hành chính thông thường; hệ thống các thao tác trong qui trình tiếp nhận và soạn thảo văn bản khoa học tiếng Việt ở cả dạng nói và viết; nhằm giúp sinh viên có khả năng thực hành văn bản tiếng Việt, làm phương tiện cho quá trình học tập, nghiên cứu và công tác.

Được phân thành 3 chủ đề:

1. Tổng quan về văn bản.

2. Văn bản quản lý Nhà nước.

3. Thực hành văn bản khoa học tiếng Việt.

Trong đó, phần lớn thời lượng phân bổ cho chủ đề 3.

Chủ đề	**Phân bổ số tiết cho hình thức dạy - học**					**Tổng**
	Lên lớp			**Thực hành, thực tập**	**Tự nghiên cứu**	
	Lý thuyết	**Bài tập**	**Thảo luận**			
1	1	1	1		9	12
2	3	5	2		30	40
3	3	12	2		51	68

Kết quả học tập được đánh giá như sau:

- Thi cuối kỳ: 50%.
- Hoạt động quá trình: 50%.

  + Phát biểu trên lớp: 10%.

  + Bài tập (bài làm trên lớp, bài làm ở nhà): 15%.

  + 02 bài kiểm tra giữa và cuối kỳ: 15%.

  + Hoạt động nhóm: 10%.

2. Giải pháp

2.1. Giải pháp cho việc đánh giá hoạt động phát biểu

Sinh viên được khuyến khích phát biểu dưới mọi hình thức một cách tối đa và được ghi nhận ở các mức độ khác nhau:

- Giơ tay (không được gọi phát biểu): 1 chấm.
- Giơ tay , được gọi phát biểu – phát biểu chưa đúng: 2 chấm.
- Giơ tay , được gọi phát biểu – phát biểu đúng: 1 cộng (bằng 3 chấm).
- Đồng ý (có lý giải) với phát biểu của SV khác: 1 cộng.
- Lên bảng làm bài tập: 1 cộng.
- Trả lời đúng 01 câu hỏi khó, rất khó: 2 cộng, 3 cộng, 5 cộng.

Cách ghi nhận các lần phát biểu của sinh viên như sau:

- Sinh viên tự ghi chép số lần phát biểu của mình vào một phiếu ghi sau mỗi buổi học. Sinh viên phải ghi rõ: 1/ phát biểu cái gì (trả lời câu hỏi nào - ghi rõ câu hỏi

và câu trả lời; đồng ý với ý kiến nào của bạn nào; lên bảng làm bài tập nào;...) 2/ được ghi nhận giá trị là bao nhiêu (1 chấm, 1 cộng, ...).

- Đầu giờ của buổi học sau nộp phiếu để giảng viên kí xác nhận.
- Cuối kì, tổng kết quy ra điểm theo thang điểm 10.

2.2. Giải pháp cho việc đánh giá việc thực hiện bài tập

Hệ thống bài tập của học phần giảng viên đã cung cấp cho sinh viên ở buổi đầu tiên của kỳ học.

Sau mỗi buổi học đều giao cụ thể những bài tập phải xem trước, phải thực hiện để nộp.

Mỗi buổi học đều có ít nhất 01 bài tập (bài 10 phút, 15 phút, 20 phút) được thực hiện trên giấy nộp lại cho giảng viên.

Đánh giá kết quả thực hiện các bài tập theo 4 mức: A, B, C, D.

Đặc biệt, có một số bài tập làm ở nhà giảng viên giao sinh viên phải xem trước không buộc phải làm để nộp song sinh viên nào muốn nộp thì nộp. Các bài làm tự nguyện này được đánh giá bằng điểm cộng (những bài tập tự nguyện này đánh giá rất hiệu qủa tính chuyên cần của sinh viên).

2.3. Giải pháp cho việc đánh giá 02 bài kiểm tra giữa và cuối kỳ

Hai bài kiểm tra này, giảng viên ra đề với mục đích tổng kết lại kiến thức đã giới thiệu, kỹ năng đã luyện tập cho sinh viên và đánh giá được kết quả nắm bắt kiến thức, kỹ năng thực hành văn bản của sinh viên.

Kết quả bài kiểm tra được đánh giá theo thang điểm 10.

2.4. Giải pháp cho việc đánh giá hoạt động nhóm

Đối với học phần này, sinh viên được tự nhận nhóm để hoạt động với chủ đề 2.

Tất cả các nhóm đều được giao tìm hiểu về hệ thống văn bản Quản lý Nhà nước và nộp lại cho giảng viên kết quả của hoạt động tìm hiểu đó là 01 bài viết.

Giảng viên sẽ đánh giá bài viết của các nhóm theo thang điểm 9.

Nhóm sinh viên có bài viết tốt nhất sẽ phải xây dựng lại bài viết thành 01 bài thuyết trình, trình bày trước lớp và có cơ hội nhận thêm tối đa 1 điểm cho phần thuyết trình này.

* *

*

Tóm lại, theo đánh giá chủ quan cùng sự trải nghiệm thực tế qua 10 lớp học của học kì II năm học 2014 - 2015 và 02 lớp của học kì I năm học 2015 - 2016, với cách làm được trình bày trên, hoạt động tự học của sinh viên không chỉ được đánh giá hiệu quả ở nhiều phương diện mà còn được tổ chức, hướng dẫn và đặc biệt được khuyến khích thực hiện trong suốt quá trình.

Trong khuôn khổ một báo cáo học thuật cấp Khoa, tôi xin chỉ mô tả giải pháp đã thực hiện và đánh giá chủ quan như trên nhằm chia sẻ và xin lĩnh hội góp ý của quý đồng nghiệp.

---

[1] Mục từ "tự" trang 1659, Từ điển Tiếng Việt - Trung tâm Từ điển học (Vietlex), NXB. Đà Nẵng, 2007.

[2] Mục từ "hoc" trang 700, Từ điển Tiếng Việt - Trung tâm Từ điển học (Vietlex), NXB. Đà Nẵng, 2007.

[3] Mục từ "tự giác" trang 1661, Từ điển Tiếng Việt - Trung tâm Từ điển học (Vietlex), NXB. Đà Nẵng, 2007.

Tài liệu tham khảo

1. *Sổ tay phương pháp giảng dạy và đánh giá* - Trường ĐH Nha Trang - 2010.
2. *Phương pháp dạy - học, kiểm tra, đánh giá các môn KHXH&NV* - Phân viện Báo chí & Tuyên truyền - 2004.
3. *Bí quyết học nhanh nhớ lâu* - Jonathan Hancock - Nxb Tổng hợp Tp.HCM - 2014.
4. *7 cách để thu hút nhân tài* - Mike Johnson - Nxb Lao động xã hội - 2007.
5. *Tư duy định hướng cho quản trị* - Edward de Bono - Nxb Thanh niên - 2010.
6. *Phương pháp học tập tối ưu* - National Research Council - Nxb Tổng hợp Tp.HCM - 2007.
7. *Nói sao cho trẻ chịu nghe & và nghe sao cho trẻ chịu nói* - Adele Faber & Elaine Mazlish - Nxb Tri thức - 2013.
8. *Nói sao cho trẻ chịu học ở nhà và ở trường* - Adele Faber & Elaine Mazlish - Nxb Tri thức - 2013.

NÂNG CAO PHẨM CHẤT CHÍNH TRỊ VÀ NĂNG LỰC CHUYÊN MÔN CỦA ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP DẠY VÀ HỌC CÁC HỌC PHẦN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ TRONG NHÀ TRƯỜNG HIỆN NAY

Ths. Đỗ Văn Đạo - BM Lý luận Chính trị

1- Tóm tắt:

Chất lượng đào tạo phụ thuộc rất nhiều vào tính tích cực trong giảng dạy của giảng viên, thể hiện ở lòng say mê với hoạt động giảng dạy, sự chủ động, sáng tạo, ham học hỏi, tìm kiếm tri thức nhằm tổ chức thực hiện tốt hoạt động giảng dạy, qua đó không chỉ làm cho bài giảng có chất lượng cao hơn, hấp dẫn hơn, mà còn nâng cao tinh thần, trách nhiệm của giảng viên, kích thích được người học học tập, lôi cuốn được đồng nghiệp hăng hái làm việc,… từ đó nâng cao được chất lượng, hiệu quả đào tạo của Nhà trường. Do đó, đội ngũ giảng viên Lý luận chính trị nói riêng không chỉ cần được đào tạo chính quy (bài bản) , mà còn cần phải thường xuyên nâng cao phẩm chất chính trị, được bồi dưỡng kiến thức và năng lực chuyên môn để đáp ứng nhiệm vụ và sự nghiệp của mình.

2- Đặt vấn đề:

Nhiệm vụ trọng tâm của đội ngũ giảng viên Lý luận Chính trị trong các trường Đại học là trang bị những tri thức khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối, quan điểm, chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước nhằm trau dồi lập trường giai cấp, phẩm chất chính trị, phẩm chất đạo đức, cho người học, tức là giáo dục LLCT. Bên cạnh đó, chúng ta cũng cần phải nhận thức sâu sắc rằng, giảng dạy LLCT là một nghề, hơn nữa là một nghề có tính đặc thù; cần được đào tạo, đào tạo lại, thường xuyên phải bồi dưỡng để không ngừng nâng cao kiến thức và trình độ đáp ứng với đòi hỏi ngày càng cao của sự nghiệp giáo dục, của bản thân và cho hoạt động đặc thù này. Nhất là trong giai đoạn hiện nay, khi mà giáo dục – đào tạo đang đặt ra yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa.... nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của sự nghiệp giáo dục cũng như đáp ứng yêu cầu của công cuộc CNH,HĐH đất nước đặt ra hiện nay.

Với ý nghĩa thực tiễn trên, qua hội thảo này, tôi xin trao đổi về vấn đề: "Nâng cao phẩm chất chính trị và năng lực chuyên môn của đội ngũ giảng viên lý luận chính trị, nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy và học các học phần chính trị trong nhà trường hiện nay".

3- Tổng quan của vấn đề

Một là, người giảng viên lý luận phải có phẩm chất chính trị tốt:

- Phẩm chất đó thể hiện ở sự trung thành tuyệt đối với mục tiêu và con đường xây dựng CNXH ở Việt Nam mà Đảng ta, dân tộc ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn. Đó là sự

trung thành và vận dụng sáng tạo những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện mới, thách thức mới để kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH ở Việt Nam. Đặc biệt, trong bối cảnh hiện nay, khi tình hình thế giới, trong nước đang có những diễn biến rất phức tạp, hơn lúc nào hết người giảng viên lý luận phải có bản lĩnh chính trị vững vàng và kiên định. Kiên quyết đấu tranh, phê phán những quan điểm sai trái, phủ nhận chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Phẩm chất chính trị đó còn thể hiện ở việc người giảng viên lý luận phải luôn có phẩm chất đạo đức trong sáng, mẫu mực và trung thực. Đối với người giảng viên lý luận, đạo đức đó vừa là sự thể hiện ở bản lĩnh, vừa là ý thức tự giác trong việc tu dưỡng và rèn luyện, giải quyết tốt các mối quan hệ xã hội; đề cao tính tổ chức, kỷ luật; thực hiện nghiêm các quy chế, quy định. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: "Vấn đề then chốt, quyết định chất lượng giáo dục là phải xây dựng được một đội ngũ đông đảo những người làm công tác giáo dục yêu nghề, yêu trường, hết lòng yêu thương chăm sóc, giáo dục học sinh, không ngừng trau dồi đạo đức, tự lực bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn để thực sự là tấm gương sáng cho học sinh noi theo".

- Trong giai đoạn hiện nay, sự tác động của nền kinh tế thị trường (dễ làm cho người giảng viên bị cuốn theo lối sống chạy theo đồng tiền, tất cả vì đồng tiền nếu bản lĩnh chính trị không vững vàng), đời sống đa số giảng viên còn khó khăn, có ảnh hưởng không nhỏ đến tâm huyết với nghề, đến uy tín của đội ngũ giảng viên, đặc biệt là các giảng viên trẻ. Vì vậy, đội ngũ giảng viên cần tiếp tục được đào tạo bồi dưỡng nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ, kiến thức, chuyên môn nghiệp vụ.

Hai là, về nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn:

- Nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn của đội ngũ giảng viên trong Nhà trường nói chung và đối với đội ngũ cán bộ giảng dạy lý luận chính trị nói riêng, có thể coi là nhiệm vụ hàng đầu, là điều kiện có tính quyết định cho sự tồn tại và phát triển của Nhà trường. Để nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn, ngoài việc nắm vững, trang bị và cập nhật những kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên ngành theo chiều sâu, người giảng viên còn phải đồng thời với việc trang bị những kiến thức liên ngành để có tầm hiểu biết rộng, đủ sức luận giải những vấn đề lý luận và thực tiễn đang đặt ra. Mặt khác, mỗi cán bộ, giảng viên còn phải không ngừng nâng cao bản lĩnh nghề nghiệp, phải thực sự tâm huyết trong việc nghiên cứu, giảng dạy, phải tự vươn lên để khẳng định vị thế của mình, khắc phục mọi biểu hiện thoả mãn, tự kiêu, thiếu tích cực, thiếu nhạy bén...

- Năng lực chuyên môn của người giảng viên còn được thể hiện bởi phương pháp sư phạm của họ. Người giảng viên cần phải được trang bị một cách có hệ thống những kỹ năng giảng dạy, nghiên cứu khoa học, cách tiếp cận thực tiễn và cách thu phục người học.

- Hiện nay, trong sự nghiệp giáo dục - đào tạo nói chung nói chung đang đặt ra yêu cầu đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của công cuộc hiện đại hóa đất nước. Nhưng cho dù có đổi mới nội dung hay áp dụng phương pháp dạy học "hiện đại" nào, thì vai trò của người thầy vẫn là quan trọng nhất. Muốn có được những học trò giỏi thì trước tiên phải có những người thầy xuất sắc. Chính vì thế, trong những năm gần đây, thực hiện chủ trương đổi mới trong công tác giáo dục - đào tạo, người giảng viên không giảng lại toàn bộ trên lớp những gì đã có trong giáo trình mà yêu cầu người học tự đọc, tự nghiên cứu. Đây là phương pháp giảng dạy đòi hỏi tính tích cực từ cả hai phía: người dạy và người học. Đặc biệt đối với người dạy phải biết lựa chọn phần trọng tâm, phải chọn giảng những nội dung cơ bản nhất, phải biết nêu vấn đề để người học suy nghĩ và tìm cách luận giải. Như vậy, người thầy dạy giỏi là người không chỉ truyền thụ kiến thức cho người học mà còn là người luôn biết khơi dậy và phát huy trí tuệ của người học.

4- Nội dung trao đổi:

Trên cơ sở tiêu đề của tham luận đã xác định. Vì vậy, ở đây tôi cũng trao đổi những vấn đề xoay quanh những nội dung đó:

Thứ nhất: Vì sao giảng viên lý luận chính trị chúng ta phải nâng cao phẩm chất chính trị?

+ Vì: Xuất phát từ tính đặc thù của tri thức mà đội ngũ giảng viên LLCT chúng ta trang bị cho người học, đó là những tri thức khoa học LLCT. Mà đã là LLCT thì cần phải có lập trường vững vàng, kiên định và phải cao. Có như vậy khi ta nói người học mới tin, việc chúng ta tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất chính trị cao chính là để làm tấm gương cho người học noi theo.

+ Người giảng viên LLCT không ngừng nâng cao phẩm chất chính trị cũng là để đáp ứng cho nhiệm vụ của mình ngày càng tốt hơn, vững vàng hơn trong việc bảo vệ chân lý khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng HCM được coi là nền tảng tư tưởng của dân tộc ta trước sự tấn công xuyên tạc của các thế lực thù địch. Qua đó, nhằm định hướng tư tưởng và niềm tin cho sinh viên đối với vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và đối với sự nghiệp cách mạng của đất nước. Nếu thiếu nhạy bén, thiếu bản lĩnh chính trị, người giảng viên không thấy được âm mưu, thủ đoạn nham hiểm của kẻ thù, bài giảng sẽ thiếu tính chiến đấu, thiếu sự định hướng chính trị.

+ Đây là việc làm thường xuyên của mỗi chúng ta, thể hiện tinh thần học tập không ngừng, nó diễn ra mọi lúc, mọi nơi, đến suốt cuộc đời. Là việc làm nhằm không ngừng củng cố trau dồi đạo đức, lối sống, bản lĩnh trước sự thay đổi của thời cuộc, sự cám dỗ bởi các yếu tố vật chất làm sói mòn, suy thoái đạo đức của bản thân và danh dự của người thầy.

Thứ hai, Vì sao chúng ta khải nâng cao năng lực chuyên môn?

+ Nâng cao năng lực và trình độ chuyên môn nghiệp vụ để từ đó có sức mạnh cảm hoá lớn, thu hút, lôi kéo, định hướng và điều khiển hoạt động học của người học.

+ Chất lượng đào tạo của Nhà trường phụ thuộc rất nhiều vào tính tích cực trong giảng dạy của giảng viên, thể hiện ở lòng say mê với hoạt động giảng dạy, sự chủ động, sáng tạo, ham học hỏi, tìm kiếm tri thức nhằm tổ chức thực hiện tốt hoạt động giảng dạy. Qua đó không chỉ làm cho bài giảng có chất lượng cao hơn, hấp dẫn hơn, mà còn nâng cao tinh thần, trách nhiệm của giảng viên, kích thích được sinh viên học tập, lôi cuốn được đồng nghiệp hăng hái làm việc,… từ đó nâng cao được chất lượng, hiệu quả đào tạo của Nhà trường.

+ Vai trò giảng viên LLCT là người truyền tải những nội dung thông tin có định hướng, quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, kiến thức và kỹ năng trong bài giảng đến với người học; định hướng suy nghĩ, cổ vũ, động viên, thôi thúc người học vận dụng những kiến thức đó vào hoạt động thực tiễn của bản thân và sau này ra trường. Vì vậy, nếu giảng viên chúng ta có kiến thức vững vàng, tư liệu thông tin phong phú, cách trình bày hấp dẫn, chắc chắn bài giảng sẽ sinh động, gây được hứng thú với người học.

+ Ngày nay trình độ nhận thức và học thức của người học ngày càng được nâng cao, do vậy, nếu giảng viên không thường xuyên tự mình, đồng thời được bồi dưỡng cập nhật những tư liệu, kiến thức mới thì bài giảng sẽ bị lạc hậu.

+ Nâng cao năng lực chuyên môn là để giữa gìn uy tín của người giảng viên, mà việc làm này có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giảng dạy. Do đó giảng viên phải là những người có phẩm chất chính trị, đạo đức trong sáng; có trình độ nghề nghiệp, kỹ năng sư phạm ổn định; có kiến thức toàn diện.

+ Nhằm đáp ứng cho nhu cầu đổi mới căn bản, toàn diện về nội dung, phương pháp dạy và học, về chuẩn hóa và hiện đại hóa; cũng như xu thế hội nhập quốc tế của đất nước hiện nay.

5- Kết luận

Nâng cao phẩm chất chính trị và năng lực chuyên môn của đội ngũ giảng viên nói chung và đối với giảng viên LLCT nói riêng, có ý nghĩa vừa cấp bách vừa lâu dài đối với việc giảng dạy các học phần khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong các trường đại học. Để thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ trên, đòi hỏi sự quyết tâm và nỗ lực phấn đấu rất cao của mỗi giảng viên, đồng thời cũng đòi hỏi sự quan tâm và đầu tư thích đáng của các cấp lãnh đạo. Qua đó tạo ra những chuyển biến mới, tích cực trong việc nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới.

6- Một số đề xuất

- Để nâng cao uy tín, người giảng viên cần thường xuyên bồi dưỡng nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức hướng tới sự giác ngộ mục tiêu, lý tưởng của Đảng; kiên định con

đường đi lên chủ nghĩa xã hội; tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc, với nhân dân; không hoang mang dao động về chính trị tư tưởng; lạc quan tin tưởng vào sự nghiệp đổi mới đất nước; có bản lĩnh chính trị, nhạy bén chính trị. Thông qua các đợt học tập, nghiên cứu chính trị giúp giảng viên quán triệt sâu sắc lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng, nâng cao trình độ lý luận và bản lĩnh chính trị, vận dụng vào trong công tác giảng dạy và đấu tranh chống lại các luận điệu sai trái, phản động. Bên cạnh đó, phải coi trọng trau dồi, củng cố và phát triển đạo đức cách mạng, thấm nhuần ý thức về: cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, ý thức tổ chức kỷ luật, giữ gìn sự đoàn kết, có lối sống giản dị trong sạch, không xa hoa lãng phí thông qua việc tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức; chấp hành nghiêm mọi đường lối chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và những quy định của nhà trường.

- Giảng viên phải có kế hoạch tự rèn luyện, phấn đấu nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức và năng lực chuyên môn của bản thân. Về chuyên môn, cần có kế hoạch tự học, tự nghiên cứu, tích lũy kiến thức và tài liệu cần thiết không chỉ thuộc lĩnh vực chuyên môn mà bản thân đảm nhiệm, mà còn phải mở rộng phông kiến thức nền hỗ trợ cần thiết; nghiên cứu thực tế, lựa chọn thông tin, phân loại để có những ví dụ thực tế phong phú, đa dạng, minh họa cho phần lý luận; đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực, lấy người học làm trung tâm; học hỏi kinh nghiệm chuyên môn của cán bộ, giảng viên đi trước; tự rút kinh nghiệm trong từng bài, từng tiết học…

- Thước đo đánh giá ý thức trách nhiệm người giảng viên là chất lượng các bài giảng bảo đảm tính khoa học, lý luận gắn với thực tiễn. Vì vậy, Khoa và Bộ môn thường xuyên rà soát và lập kế hoạch đào tạo nâng cao trình độ, nhất là trình độ trên đại học cho giảng viên; xây dựng các tiêu chí về kiến thức thực tiễn của giảng viên.

- Tạo điều kiện cho các giảng viên đi thăm quan, khảo sát thực tế tại các địa phương trong và ngoài nước với những chủ đề cụ thể, nghe nói chuyện thời sự, tham gia các hoạt động văn nghệ, thể thao... Nên đi nhiều điểm để có số liệu so sánh và đúc rút kinh nghiệm... Nhằm xây dựng bài giảng được cập nhật, không khô khan, nhàm chán.

- Giảng viên ngoài việc có bằng cấp phù hợp với chuyên môn, chuyên ngành giảng dạy, phải biết ứng dụng công nghệ thông tin để phục vụ công tác chuyên môn, giảng dạy, nghiên cứu khoa học. Như vậy, phải đưa chương trình tin học vào bồi dưỡng giảng viên , để giảng viên có thể cập nhật thông tin và khai thác thông tin trên mạng phục vụ cho công tác và trình bày bài giảng với phương tiện kỹ thuật hiện đại (sử dụng máy chiếu, giáo án điện tử).

7 – Tài liệu tham khảo

- Bộ Giáo dục và Đào tạo, *(2008), Quy định về đạo đức nhà giáo, NXB Giáo dục.*

- PGS,TS. Nguyễn Quốc Bảo: *Nâng cao phẩm chất chính trị và năng lực chuyên môn của đội ngũ giảng viên lý luận.*

- PGS, TS. Lưu Kiếm Thanh: *Xây dựng đội ngũ giảng viên lý luận chính trị và quản lý nhà nước.*

- Hoàng Tụy, (2005), *Người thầy trong nhà trường hiện đại, NXB giáo dục.*

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY, HỌC TẬP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ CHO SINH VIÊN CẦN CÓ SỰ ĐỔI MỚI ĐỒNG BỘ

Ths. Trương Thị Xuân - BM Lý luận Chính trị

Nghị quyết Trung ương 8 (khóa XI) về đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục Việt Nam, bên cạnh việc chỉ ra những thành tựu cơ bản của nền giáo dục nước nhà, cũng thẳng thắn chỉ ra các yếu kém còn tồn tại mà hạn chế đầu tiên là "Chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo còn thấp so với yêu cầu, nhất là giáo dục đại học, điều này cũng đúng khi nói về chất lượng giảng dạy, học tập lý luận chính trị cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng ở nước ta hiện nay.

Đối với sinh viên, ngoài yêu cầu được đào tạo về trình độ chuyên môn sâu và rộng, thì việc xây dựng thế giới quan, phương pháp luận, nhân sinh quan, kỹ năng sống, từ đó hình thành lý tưởng, hoài bão, các giá trị sống thao hướng "chân, thiện,mỹ" của tuổi trẻ và con đường hiện thực hóa ước mơ của mình là vô cùng cần thiết. Tất cả những thứ khác đều có thể rèn luyện qua thời gian nhưng lý tưởng, khát vọng thì phải được hình thành sớm, nó cần phải phát triển cùng với nhân cách, chỉ có như thế nhân cách mới phát triển đúng đắn được. Đó là lý do vì sao sinh viên cần học các môn lý luận chính trị.

Tuy nhiên một thực tế hiện nay rất rõ và tương đối phổ biến là sinh viên thường xuyên tìm cách vắng mặt, hoặc nếu có đến lớp thì thường có thái độ học đối phó, thi cử chưa nghiêm túc, không cầu thị kiến thức, chất lượng nhận thức yếu v.v… trách nhiệm này không phải chỉ ở khâu quản lý sinh viên - thuộc các đơn vị làm công tác quản lý mà còn có một nguyên nhân trực tiếp rất sâu xa tác động rất lớn vào quá trình quản lý sinh viên đó là nội dung chương trình học, phương pháp giảng dạy, năng lực giảng dạy của đội ngũ giảng viên đã ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình yêu thích, say mê học tập của sinh viên.

Từ sự nhận thức đó, để góp phần quản lý tốt sinh viên, tôi có một vài suy nghĩ nhỏ về nguyên nhân và giải pháp để khắc phục tình trạng chung hiện nay như sau:

Thứ nhất: Chúng ta phải làm sao để kích thích được tính tự giác của sinh viên trong quá trình học tập; làm sao việc được nghe giảng trên lớp phải thực sự trở thành nhu cầu bức thiết của người học chứ không phải vì sợ điểm danh hay sợ bị cấm thi mới có mặt trên lớp. Muốn làm được như vậy trước hết nội dung giảng dạy phải phù hợp với tính đặc thù của đối tượng giảng dạy. Vì vậy, cần rà soát lại một cách hệ thống toàn bộ nội dung giảng dạy của từng môn học.

Sinh viên mong muốn đi học là để nâng cao nhận thức giữa lý luận và thực tiễn nhằm giải quyết tốt những vấn đề của thực tiễn đặt ra. Thế nhưng trong nội dung giảng dạy ở trường ta còn nhiều những môn học, những bài giảng chỉ mang tính lý luận chung chung chưa thực sự gắn với thực tiễn, giải quyết những vấn đề của thực tiễn. Vì thế khi nghe giảng người học

cảm thấy có nhiều vấn đề không thiết thực làm hình thành tâm lý học cũng vậy mà không học cũng vậy, học để thi chứ không có ích gì cho công việc sau này, do đó dẫn đến ý thức học không tích cực hoặc học chỉ để đối phó kỳ thi và những quy chế nhà trường đặt ra.

Đây là một trong những nguyên nhân cơ bản dẫn đến việc quản lý chất lượng sinh viên chưa được như mong muốn. Để khắc phục được điều này đòi hỏi bản thân người giảng viên phải có kiến thức chuyên môn vững vàng, vừa sâu, vừa rộng, có phương pháp giảng dạy tốt và nhất thiết người giảng viên phải am hiểu sâu sắc thực tiễn thì mới có thể gắn lý luận với thực tiễn, như thế bài giảng của mình mới thuyết phục được người học, gợi niềm say mê hứng thú cho người học - người học mới thật sự cảm thấy việc học tập, nghiên cứu lý luận ở trường là thật sự bổ ích vì những kiến thức học được ở trường có thể ứng dụng được vào quá trình công tác của mình. Làm như vậy sẽ khích thích được ý thức cầu thị kiến thức, lòng say mê học hỏi nắm bắt cái mới ở người học - dẫn đến tính tự giác trong học tập.

Thứ hai: Cần đổi mới phương pháp giảng dạy. Phương pháp giảng dạy từ lâu nay chúng ta vẫn dùng, cho dù có phương tiện máy móc hỗ trợ thì thực chất trong giờ học, người học vẫn ở thế bị động trong nhận thức và tiếp nhận thông tin. Việc phát huy được tính chủ động trong giờ học là một việc hết sức cần thiết. Trên lớp học, người giảng viên phải làm sao kích thích được tính chủ động của người học, biến giờ học trên lớp thành môi trường thuận lợi cho người học để họ có điều kiện tham gia ý kiến, trình bày tham luận, thuyết trình những vấn đề nhận thức mà mình được nghiên cứu cộng với vấn đề thực tiễn mình đang đối mặt, điều ấy sẽ gợi lên niềm say mê hứng thú đối với người học, làm cho người học tự nguyện, tự giác đến với lớp học.

Để đạt được hiệu quả giảng dạy như vừa nói trên quả là một việc làm không đơn giản. Nó không chỉ dừng lại ở khâu đòi hỏi năng lực của người giảng viên mà cần phải có một sự hỗ trợ đồng tình ủng hộ của lãnh đạo, cần có sự thay đổi một cách đồng bộ và có hệ thống từ khâu tổ chức lớp học, khâu phân bố thời lượng cho từng môn học phải thật hợp lý; đến khâu cung cấp tài liệu nghiên cúu cho sinh viên.

Trước hết, đòi hỏi mỗi giảng viên phải có lòng say mê tìm tòi, tận tâm trong nghiên cứu khoa học và giảng dạy. Cảm nhận được vấn đề nghiên cứu khoa học và nâng cao chất lượng dạy học là nghĩa vụ và trách nhiệm của giảng viên, đây là một yếu tố chủ quan giữ vai trò quyết định đối với việc đổi mới phương pháp giảng dạy. Bởi vì, chỉ có thông qua nghiên cứu khoa học giảng viên mới có tri thức và nhận thức đúng đắn yêu cầu của công tác dạy học, những khó khăn và đòi hỏi của việc nâng cao chất lượng đào tạo.

Mỗi giảng viên phải tự mình nghiên cứu và tích cực trong học tập nâng cao trình độ, nhất là trình độ chuyên môn nghiệp vụ của mình có liên quan đến lĩnh vực giảng dạy nhằm nâng cao khả năng tư duy lý luận và tư duy thực tiễn của mình. Chỉ khi ý thức trách nhiệm và

vai trò của giảng viên được đề cao sẽ giúp cho giảng viên ý thức sáng tạo, chủ động, tự tin trong giảng dạy. Ngoài ra, việc tăng cường mối quan hệ với các doanh nghiệp và những đơn vị thực tiễn có liên quan là đòi hỏi cấp bách để thu thập kiến thức, tài liệu thực tế phục vụ dạy học.

Với ý nghĩa đó, tôi đề xuất nhà trường phải tạo điều kiện cho giảng viên được đi thục tế chuyên môn, được tập huấn phương pháp giảng dạy mới, có thu nhập đủ cho cuộc sống gia đình để giảng viên có điều kiện tốt hơn nữa cho việc vận dụng một cách khoa học phương pháp giảng dạy mới vào quá trình giảng dạy.

Thứ ba: Đổi mới cách đánh giá chất lượng đối với sinh viên cũng là một biện pháp để quản lý tốt sinh viên. Việc tổ chức bài kiểm tra điều kiện, thi hết môn là căn cứ để đánh giá chất lượng giảng dạy và học tập. Theo tôi đề thi cần thiết phải là loại đề có tính chất yêu cầu người học phải hiểu bài và đòi hỏi liên hệ thực tiễn thật cụ thể; hoặc tổ chức cho sinh viên được viết tiểu luận môn học. Điều ấy giúp sinh viên có điều kiện thể hiện được chiều sâu và chiều rộng của quá trình nhận thức và làm như thế buộc sinh viên phải tự giác đến lớp nghe giảng không dám tùy tiện bỏ học. Đây chính là cơ sở giúp giảng viên đánh giá đúng năng lực, trình độ của sinh viên và nhà trường đánh giá đúng chất lượng của quá trình dạy và học.

Thứ tư: Đổi mới phương pháp giảng dạy không đòi hỏi chúng ta phải tìm ra một phương pháp nào hoàn toàn mới mẻ, đặc thù mà chính là việc chúng ta nghiên cứu các phương pháp sẵn có, trên nền tảng phương châm lấy người học làm trung tâm để lựa lựa chọn cách thức giảng dạy phù hợp nhất. Theo tôi, cần làm tốt những vấn đề sau đây:

- Giảng viên cần phối hợp các phương pháp giảng dạy khác nhau trong dạy học như diễn giảng, kết hợp với nêu vấn đề, sử dụng tình huống và các phương tiện khoa học kỹ thuật hỗ trợ. Không tuyệt đối hoá phương pháp nào để tránh giảng dạy đơn điệu một phương pháp, nhất là chỉ sử dụng phương pháp diễn dịch, giải thích hoặc lạm dụng phương tiện khoa học, kỹ thuật một cách thái quá dẫn đến sự nhàm chán. Việc sử dụng phương tiện khoa học, kỹ thuật và công nghệ thông tin là cần thiết trong đổi mới phương pháp giảng dạy, tuy nhiên cần phải hiểu rằng không phải cứ sử dụng phương tiện khoa học, kỹ thuật và công nghệ thông tin trong dạy học là đổi mới phương pháp giảng dạy. Cần khai thác triệt để các phương tiện khoa học kỹ thuật phục vụ giảng dạy như sử dụng máy tính để mô hình hóa giáo án, xây dựng biểu đồ, sơ đồ; minh họa bằng hình ảnh; làm video clip các tình huống nghiệp vụ, tình huống có vấn đề, cũng như sưu tầm, biên tập phim minh họa cho bài giảng... điều cơ bản là làm tăng khả năng tư duy, sáng tạo của sinh viên mới là mục tiêu của đổi mới phương pháp giảng dạy.

- Tăng cường giảng dạy theo những tình huống có vấn đề, buộc sinh viên phải động não tìm ra phương án để giải quyết các tình huống đó. Quan tâm hướng dẫn sinh viên nghiên cứu tự học và chú ý kiểm tra sự chuẩn bị của sinh viên. Giảng viên thực sự chỉ là người hướng dẫn để sinh viên tư duy, học tập.

- Tăng cường hoạt động đối thoại, hỏi đáp giữa giảng viên và sinh viên trong giảng dạy nhằm khơi dậy tư duy nghiên cứu, tìm tòi và khả năng tự học của sinh viên. Hiện nay nhà trường đã tổ chức nối mạng nội bộ đến từng phòng học, phòng ở của sinh viên. Cho nên, mỗi giảng viên cần khai thác triệt để mạng nội bộ để tăng cường trao đổi, đối thoại, giải đáp chuyên môn giữa thầy và trò.

Một yếu tố rất cần nữa, nhất là đối với các giảng viên dạy các môn lý luận chính trị là phải có lý tưởng và niềm tin vững chắc vào sự lãnh đạo của Đảng, vào tương lai của đất nước, vào sự thành công tất yếu của sự nghiệp đổi mới…bản thân người dạy cũng không tin vào những điều mình truyền đạt thì làm sao thuyết phục được người học tin vào những điều mình giảng dạy. Nói cách khác, chỉ khi những người thầy có “tầm” về trí thức, vừa có “lửa” trong tâm hồn thì mới có thể truyền lửa cho người học được. Và khi đó, việc giảng dạy các môn lý luận chính trị mới đạt được hiệu quả như chúng ta mong muốn.

ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC PHẦN ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

TS. GVC Tô Thị Hiền Vinh - BM Lý luận Chính trị

TÓM TẮT

Để đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong thời kì công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, con đường cơ bản để nâng cao chất lượng đào tạo ở trường đại học là đổi mới phương pháp dạy học. Phương pháp giáo dục đại học ở nước ta hiện nay phải hình thành kỹ năng xã hội và việc giáo dục ý thức chính trị cho sinh viên trong giáo dục hội nhập là việc hết sức quan trọng, ngoài tiếp thu những kiến thức mới, nhưng luôn phải nhớ đến cội nguồn, đến truyền thống quí báu của dân tộc, tinh thần yêu nước, quan tâm đến những bước phát triển của đất nước- đó là yếu tố then chốt thúc đẩy xã hội tiến lên trong kỷ nguyên mới.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Xã hội hiện đại cần những con người có cá tính (thời nay không cá tính thường đồng nghĩa với vô tích sự), biết giao tiếp và hợp tác (thời nay cá nhân đơn độc khó làm việc gì thật có ý nghĩa), có tư duy cởi mở với cái mới, thích dấn thân, sẵn sàng chấp nhận mạo hiểm, không ngại trả giá để có những thành công lớn, và nhất là phải có đầu óc sáng tạo, tiếp thu cái mới nhưng luôn phải nhớ đến cội nguồn, đến truyền thống quí báu của dân tộc, tinh thần yêu nước, quan tâm đến những bước phát triển của đất nước- đó là yếu tố then chốt thúc đẩy xã hội tiến lên trong kỷ nguyên mới.

Thực trạng dạy và học nói chung trong thời gian qua và hiện nay vẫn còn bộc lộ không ít những vấn đề đáng trăn trở. Đó là những vấn đề về nội dung, chương trình; vấn đề về người dạy, người học và đặc biệt là vấn đề về cải tiến phương pháp dạy - học trong điều kiện hội nhập.

Để nâng cao chất lượng dạy - học nói chung, trong đó có các học phần Lí luận chính trị đặc biệt là hoc phần Đường lối chách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, tiếp tục cải tiến cách dạy, cách học là một trong những vấn đề khoa học vừa mang tính bức bách lại vừa có tính chiến lược lâu dài. Trong phạm vi bài viết này, người viết chỉ đề cập đến vấn đề "Đổi mới phương pháp dạy học nói chung trong đó có đổi mới học phần Đường lối cách mạng của Đảng CSVN " ở vài khía cạnh chủ yếu.

2. ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP DẠY VÀ HỌC HIỆN NAY

2.1. Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tích cực, hiện đại

Thuật ngữ "phương pháp" bắt nguồn từ tiếng Hy Lạp, "methodos" nguyên văn là con đường đi tới một cái gì đó; có nghĩa là cách thức đạt tới mục đích và bằng một hình ảnh nhất định; nghĩa là một hành động được điều chỉnh.

Theo tác giả Lưu Xuân Mới (Lý luận dạy học đại học, Nxb Gáo dục, 2000, tr.163; 166), phương pháp dạy học nói chung, bao gồm: phương pháp dạy và phương pháp học.

Phương pháp dạy là cách thức hoạt động của giảng viên, truyền đạt cho sinh viên nội dung trí dục và tổ chức, điều khiển hoạt động nhận thức và thực tiễn của sinh viên nhằm đạt được mục đích dạy học.

Phương pháp học là cách thức hoạt động của sinh viên dưới sự chỉ đạo sư phạm của giảng viên. Đây là hoạt động tự giác, tích cực, tự lực, tiếp thu (lĩnh hội) nội dung trí dục và tự tổ chức, tự điều khiển quá trình nhận thức và hoạt động thực tiễn của bản thân nhằm đạt được mục đích dạy học.

Phương pháp giảng dạy truyền thống là phương pháp mà trong đó chủ yếu là thầy nói - trò nghe. Ngay tận thập niên 1990, phương pháp này vẫn đang chi phối mạnh ở các trường cao đẳng và đại học, kể cả ở Hoa Kỳ. Sinh viên thường phải ngồi nghe liên tục trong một khoảng thời gian dài và học tập theo cách mà Freire gọi là “giáo dục kiểu ngân hàng” . Trong phương pháp này, giảng viên dạy và sinh viên được dạy; giảng viên biết mọi thứ và sinh viên không biết gì; giảng viên suy nghĩ và sinh viên buộc phải nghĩ theo cách của giảng viên; giảng viên nói và sinh viên lắng nghe; giảng viên quyết định (chọn lựa) và sinh viên phải làm theo. Nhìn chung, giảng viên là chủ thể còn sinh viên là khách thể của quá trình dạy - học. Giảng viên quan tâm trước hết đến việc truyền đạt kiến thức, hướng đến mục tiêu làm cho sinh viên hiểu và ghi nhớ kiến thức. Phương pháp này ít quan tâm đến việc phát triển tư duy, huấn luyện kỹ năng và rèn luyện thái độ cho người học. Nó dẫn đến tình trạng hầu hết sinh viên học tập thụ động, ra trường không đáp ứng tốt yêu cầu công việc.

Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tích cực, hiện đại nói chung hiện nay là một tất yếu khách quan. Bởi lẽ, trước tình hình thông tin bùng nổ cả về khối lượng và chất lượng, cả về tốc độ và phạm vi, lĩnh vực như hiện nay, cách dạy học cũ (trong thời gian gần đây và hiện nay) khó đạt được mục tiêu đào tạo con người có bản lĩnh để giải quyết những vấn đề do thực tiễn đặt ra.

Yêu cấu bức bách hiện nay là phải chú trọng đúng mức, thậm chí phải đặt lên hàng đầu vấn đề đào tạo con người theo hướng biết đặt và giải quyết vấn đề Xu hướng đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tích cực, hiện đại. Có hai xu hướng đổi mới phương pháp dạy học đại học hiện nay theo hướng tích cực, hiện đại:

Một, đổi mới phương pháp dạy học theo hướng “đặt và giải quyết vấn đề”. Với xu hướng này, sinh viên được đặt trước một hệ thống những vấn đề nhận thức có chứa đựng mâu thuẫn giữa cái cho và cái tìm; sinh viên được đưa vào tình huống có vấn đề để kích thích họ hứng khởi, tự giác giải quyết những vấn đề đó. Từ đó giúp họ lĩnh hội tri thức một cách tự giác, tích cực, đồng thời phát triển kĩ năng một cách tự lực và sáng tạo.

Hai, đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy hiệu quả của việc áp dụng công nghệ dạy học hiện đại. Xu hướng này đòi hỏi: Trước nhất, sinh viên phải có một tỷ trọng tự học cao. Thứ đến, các phương tiện và công nghệ hiện đại phải được tăng cường áp dụng trong giảng dạy và học tập một cách hợp lý để tiết kiệm thời gian, giảm nhẹ cường độ lao động dạy học.

Để học tốt thì người học cần phải làm nhiều việc hơn là chỉ nghe một cách thụ động, cụ thể là phải đọc, viết, thảo luận, hoặc tham gia giải quyết vấn đề. Tương tự như vậy, khi nghiên cứu tất cả các cấp độ học, thấy rằng sinh viên học và giữ lại kiến thức nhiều hơn khi họ đóng vai trò thực sự trong quá trình và có cơ hội để nói, chia sẻ, tương tác, phản hồi. Việc học tập mang tính hàn lâm là quá trừu tượng đối với hầu hết sinh viên, nên muốn học tốt thì sinh viên cần được "thấy, sờ, và ngửi" cái mà họ đọc và viết. Còn sinh viên không thể học được bằng cách mang thông tin đẩy vào não họ, do đó chúng ta chỉ có thể dạy bằng cách duy nhất là tạo ra động lực hiểu biết.

Những thông tin trên đây một mặt cho thấy sự hạn chế của phương pháp giảng dạy truyền thống; mặt khác đặt ra nhu cầu bức xúc phải chuyển đổi sang phương pháp mới, lôi cuốn sinh viên gia nhiều hơn trong quá trình dạy-học. Những phương pháp mới đó, chúng ta tạm gọi là các phương pháp giảng dạy tích cực.

Bản chất của phương pháp giảng dạy tích cực

Thực ra, xét đến cùng thì tất cả các phương pháp giảng dạy đều có thể ẩn chứa những hoạt động mang tính tích cực của nó. Tuy nhiên, để trở thành một phương pháp mà yếu tố tích cực trở thành nét đặc trưng thì hầu hết các nhà nghiên cứu đều đề cập đến mức độ tham gia của sinh viên trong quá trình học tập. Phải thực sự xem người học là trung tâm, là chủ thể của hoạt động "học". Muốn vậy cần phải:

- Đa dạng hóa các phương pháp giảng dạy.
- Giảm thời lượng thuyết giảng và tăng thời lượng hoạt động của người học.
- Tạo sự tương tác cao giữa người dạy và người học, giữa người học với nhau.
- Khuyến khích tư duy độc lập và sáng tạo, xóa bỏ lối áp đặt kiến thức theo kiểu giáo điều.
- Hướng đến việc phát triển nhận thức bậc cao cho sinh viên, đó là: phân tích, tổng hợp, và đánh giá.
- Chú trọng phát triển kỹ năng và xây dựng thái độ làm việc tích cực cho người học.

Ngược lại, về phía người học, cần phải thay đổi thái độ và phương pháp học tập, tích cực tham gia vào các hoạt động, chủ động tìm kiếm kiến thức, rèn luyện kỹ năng cũng như điều chỉnh thái độ trong quá trình làm việc với nhau.

Ưu điểm của phương pháp giảng dạy tích cực

Phương pháp giảng dạy tích cực sẽ tạo điều kiện và lôi cuốn người học chủ động trong học tập. Tính chủ động cao là tiền đề cho sự hình thành khả năng tư duy độc lập. Tư duy độc lập là mầm móng của sáng tạo.

Phương pháp giảng dạy tích cực giúp nâng cao hiệu quả học tập nhờ vào việc giảm thời lượng thuyết giảng.

Muốn đổi mới cách học phải đổi mới cách dạy. Cách dạy chỉ đạo cách học, nhưng ngược lại thói quen học tập của trò cũng ảnh hưởng tới cách dạy của thầy. Chẳng hạn, có trường hợp học sinh đòi hỏi cách dạy tích cực hoạt động nhưng giáo viên chưa đáp ứng được, hoặc có trường hợp giáo viên hăng hái áp dụng PPDH tích cực nhưng không thành công vì học sinh chưa thích ứng, vẫn quen với lối học tập thụ động. Vì vậy, giáo viên phải kiên trì dùng cách dạy hoạt động để dần dần xây dựng cho học sinh phương pháp học tập chủ động một cách vừa sức, từ thấp lên cao. Trong đổi mới phương pháp dạy học phải có sự hợp tác cả của thầy và trò, sự phối hợp nhịp nhàng hoạt động dạy với hoạt động học thì mới thành công. Như vậy, việc dùng thuật ngữ "Dạy và học tích cực" để phân biệt với "Dạy và học thụ động".

Mối quan hệ giữa dạy và học, tích cực với dạy học lấy học sinh làm trung tâm.

Từ thập kỉ cuối cùng của thế kỷ XX, các tài liệu giáo dục ở nước ngoài và trong nước, một số văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo thường nói tới việc cần thiết phải chuyển dạy học lấy giáo viên làm trung tâm sang dạy học lấy học sinh làm trung tâm.

Dạy học lấy học sinh làm trung tâm còn có một số thuật ngữ tương đương như: dạy học tập trung vào người học, dạy học căn cứ vào người học, dạy học hướng vào người học… Các thuật ngữ này có chung một nội hàm là nhấn mạnh hoạt động học và vai trò của học sinh trong qúa trình dạy học, khác với cách tiếp cận truyền thống lâu nay là nhấn mạnh hoạt động dạy và vai trò của giáo viên.

Lịch sử phát triển giáo dục cho thấy, trong nhà trường một thầy dạy cho một lớp đông học trò, cùng lứa tuổi và trình độ tương đối đồng đều thì giáo viên khó có điều kiện chăm lo cho từng học sinh nên đã hình thành kiểu dạy "thông báo - đồng loạt". Giáo viên quan tâm trước hết đến việc hoàn thành trách nhiệm của mình là truyền đạt cho hết nội dung quy định trong chương trình và sách giáo khoa, cố gắng làm cho mọi học sinh hiểu và nhớ những điều giáo viên giảng. Cách dạy này đẻ ra cách học tập thụ động, thiên về ghi nhớ, ít chịu suy nghĩ, cho nên đã hạn chế chất lượng, hiệu quả dạy và học, không đáp ứng yêu cầu phát triển năng động của xã hội hiện đại. Để khắc phục tình trạng này, các nhà sư phạm kêu gọi phải phát huy tính tích cực chủ động của học sinh, thực hiện "dạy học phân hóa"* quan tâm đến nhu cầu, khả năng của mỗi cá nhân học sinh trong tập thể lớp. Phương pháp dạy học tích cực, dạy học lấy học sinh làm trung tâm ra đời từ bối cảnh đó.

Trên thực tế, trong qúa trình dạy học người học vừa là đối tượng của hoạt động dạy, lại vừa là chủ thể của hoạt động học. Thông qua hoạt động học, dưới sự chỉ đạo của thầy, người học phải tích cực chủ động cải biến chính mình về kiến thức, kĩ năng, thái độ, hoàn thiện nhân cách, không ai làm thay cho mình được. Vì vậy, nếu người học không tự giác chủ động, không chịu học, không có phương pháp học tốt thì hiệu quả của việc dạy sẽ rất hạn chế.

Như vậy, khi đã coi trọng vị trí hoạt động và vai trò của người học thì đương nhiên phải phát huy tính tích cực chủ động của người học. Tuy nhiên, *dạy học lấy học sinh làm trung tâm không phải là một phương pháp dạy học cụ thể*. Đó là một tư tưởng, quan điểm giáo dục, một cách tiếp cận quá trình dạy học chi phối tất cả qúa trình dạy học về mục tiêu, nội dung, phương pháp, phương tiện, tổ chức, đánh giá… chứ không phải chỉ liên quan đến phương pháp dạy và học.

2.2. Vận dụng đổi phương pháp giảng dạy tích cực vào giảng học phần Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam

Do thời lượng giảng dạy học phần 3TC (45 tiết) gồm 10 chủ đề, bao quát toàn bộ đường lối của Đảng ta từ khi thành lập đến giành chính quyền, cuộc kháng chống thực dân Pháp và cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ thống nhất đất nước, cả thời kỳ đổi mới trên tất cả các lĩnh vực: kinh tế,chính trị, văn hóa, xã hội và ngoại giao. Do đó người thầy thầy không thể thuyết giảng như trước đây với khối lượng kiến thức khổng lồ, đồng thời phải làm sao cho người học thấy được sự hy sinh sức người của của cả dân tộc mới có ngày hôm nay, từ đó khơi dậy được lòng tự hào dân tộc, tinh thần tự cường, ý chí tự vươn lên của sinh viên của sinh viên, nên tôi phải vận dụng phương pháp mới trong quá trình giảng dạy bằng cách:

Chủ đề 2 và chủ đề 3 đó là sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Đường lối giành chính quyền của Đảng tôi giảng cho sinh viên, trong quá trình giảng luôn nêu các vấn đề cùng đối thoại với sinh viên, nhấn mạnh những vấn đề cơ bản như hoàn cảnh lịch sử trước khi Đảng ra đời, đưa ra những câu hỏi ví dụ như Vì sao các phong trào yêu nước trước khi Đảng ra đời luôn bị thất bại? hay vì sao ta phải giành chính quyền trước khi quân đồng minh vào?...

Chủ đề 4 chủ đề 5 và 8,9 tôi chia nhóm cho sinh viên thuyết trình, các nhóm đặt câu hỏi cho nhóm thuyết trình, đồng thời cùng GV viên trao đổi, trong quá trình đó tôi chú ý nghe xem vấn đề gì Sinh viên chưa nói tới hoặc nói lung tung chưa đúng, tôi giành 1 tiết hệ thống lại những nội dung cơ bản, nhấn mạnh những vấn đề cần nắm vững, đặc biệt tất cả các câu thuyết trình tôi bắt cả lớp soạn, nhóm nào thuyết trình thì phải làm thật kỹ, còn lại soan đọc ý chính, các nhóm trưởng kiểm tra và cuối cùng tôi thu tất cả để chấm làm 1 cột kiểm tra để đánh giá quá trình.

Riêng chủ đề 6 và chủ 7 đó là Đường lối công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đường lối kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đây là những vấn quan trọng để xây dựng và phát triên kinh tế, tôi nghĩ mình phải làm rõ, phân tích cho họ thấy vì sao phải tiến hành công nghiệp hóa? Vì sao công nghiệp phải hiện đại hóa, gắn với kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế? Vì sao nước ta chuyển sang kinh tế thị trường? và đổi mới tư duy về kinh tế thị trường là một quá trình? Nước ta chuyển sang kinh tế thị trường khi nào?...

Kết luận: qua thực hiện đổi mới tôi thấy chỉ thực hiện phương pháp giảng dạy tích cực mới có thể thực hiện được khối lượng kiến lớn trong thời gian hạn hẹp, đồng thời trong quá

trình giảng luôn nêu các vấn đề thì sinh viên ới chú ý nghe và suy nghĩ, hơn nữa họ phải đọc trước bài trước khi đến lớp, cũng như tự học ở nhà.

Kiến nghị

- Nên tổ chức theo lớp dễ phân chia nhóm cũng như học nhóm của sinh viên
- Hệ thống máy chiếu và Mic còn quá hạn chế cho Sv thuyết trình, nên nhà nên kiểm tra đặc biệt các phòng lớn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

2. Qui chế Đào tạo đại học và cao đẳng Hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ kèm theo quyết định 43/2007/BGD&ĐT

3. Lý Hoàng Ánh, Trần Mai Ước (2012), *Tiến tới xây dựng chương trình đào tạo theo mô hình CDIO trong các trường đại học hiện nay - Bước đi cần thiết góp phần nâng cao chất lượng giáo dục đại học*,

4. Kỷ yếu HTKH "Nâng cao chất lượng giáo dục đại học", Trường Đại học Mở TP. HCM; Văn phòng Trung Ương Đảng.

5. Lưu Xuân Mới - Lý luận dạy học đại học, Nxb Gáo dục, 2000.

MỘT SỐ Ý KIẾN TRAO ĐỔI VỀ THÁI ĐỘ HỌC TẬP CÁC HỌC PHẦN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Ths. Vũ Thị Bích Hạnh - BM Lý luận Chính trị

1. Đặt vấn đề

Thái độ học tập là nhân tố giữ vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả học tập của người học, nhất là đối với sinh viên đại học khi việc tự học là chủ yếu. Tuy nhiên, qua thực tế giảng dạy các học phần Lý luận Chính trị tôi nhận thấy khá nhiều sinh viên có thái độ học tập chưa tích cực, thiếu nghiêm túc trong quá trình học dẫn tới hiệu quả của việc dạy và học chưa cao. Chính vì lý do đó cần phải hiểu rõ nguyên nhân để tìm ra biện pháp khắc phục nhằm làm thay đổi thái độ của người học là việc làm cần thiết.

2. Cơ sở lý luận

a. Thái độ

Hiện nay, có rất nhiều định nghĩa khác nhau về thái độ.

- Theo cuốn Đại từ điển Tiếng Việt của Hoàng Phê, thái độ được hiểu như sau:

+ Tổng thể nói chung những biểu hiện ra bên ngoài (bằng nét mặt, cử chỉ, lới nói, hành động của ý nghĩ, hay tình cảm đối với ai hay đối với sự việc nào đó).

+ Cách nghĩ, cách nhìn, cách hành động theo một hướng nào đó trước một vấn đề.

- Trong từ điển các thuật ngữ tâm lí và phân tâm học xuất bản tại New York năm 1966: “Thái độ là một trạng thái ổn định, bền vững, do tiếp thu được từ bên ngoài, hướng vào sự ứng xử một cách nhất quán đối với một nhóm đối tượng nhất định, không phải chúng ra sao mà chúng được nhận thức ra sao. Một thái độ được nhận biết ở sự nhất quán của những phản ứng đối với một nhóm đối tượng. Trạng thái sẵn sàng cao có ảnh hưởng trực tiếp lên cảm xúc và hành động có liên quan đến đối tượng”.

“ Thái độ là sự đánh giá tích cực hay tiêu cực đối với một đối tượng, con người hay một tình huống cụ thể mà chúng ta cảm nhận được và có hành vi đối với chúng theo cách tích cực hay tiêu cực tương ứng” (Ajzen và Fishbein,1980).

b. Thái độ học tập

Thái độ học tập của người học dựa vào khả năng tự học và sự sẵn sàng cho việc học. Thái độ học tập là những biểu hiện ra bên ngoài bằng những hoạt động tích cực hay tiêu cực đối với các môn học. Tích cực, tự giác, niềm say mê trong học tập, nghiên cứu là yếu tố góp phần nâng cao chất lượng đào tạo Đại học.

G.witzlack đã phân tích thái độ học tập trong các hình thức học tập khác nhau. Trong các hình thức học tập ấy, tác giả đưa ra những “điểm tựa” cho sự đánh giá thái độ học tập

như: Sự nổ lực của nhận thức, sẵn sàng hết mình thực hiện nhiệm vụ học tập, đặt ra những yêu cầu cao về thành tích học tập của bản thân, phản ứng với những thể nghiệm thành công hay thất bại trong học tập, có tinh thần vận dụng kiến thức.

c. Biểu hiện về mặt thái độ học tập

- Tâm trạng háo hức, chào đón hay không háo hức, chờ đón môn học.
- Có niềm vui, thích thú khi tiếp nhận tri thức không.
- Thích thú hay không thích thú tìm tói tài liệu học tập.
- Dành thời gian tự học hay không.
- Có tham gia tích cực phát biểu xây dựng bài không.

+ Hành vi là hình thức biểu hiện ra bên ngoài của thái độ. Hành vi biểu hiện của sinh viên là:

- Có tập trung chú ý nghe giảng hay không.
- Có tích cực phát biểu xây dựng bài không.
- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp như thế nào.
- Dành thời gian tự học như thế nào.
- Thường có trao đổi về nội dung của môn học hay không.
- Tham gia các buổi đi học có đầy đủ không.

d. Các yếu tố ảnh hưởng đến thái độ học tập

- Giảng viên.

Giảng viên là người đóng vai trò quan trọng trong suốt quá trình học tập của sinh viên. Họ là người mang tri thức và dẫn dắt người học tiếp cận tới tri thức. Trình độ, kiến thức vững vàng, chuyên sâu và luôn cập nhật cùng với hình ảnh, tính cách và sự nhiệt tình trong giảng dạy….của giảng viên đều có tác động tới thái độ học tập của sinh viên.

- Phương pháp giảng dạy.

Phương pháp giảng dạy tích cực, sáng tạo, dễ hiểu lấy người học làm trung tâm mới có thể tạo cho sinh viên sự hứng thú, niềm say mê trong học tập, từ đó góp phần nâng cao thái độ học tập tích cực cho sinh viên. Những nghiên cứu trước đây cũng đã chứng minh được vai trò tác động tích cực của phương pháp giảng dạy tới thái độ học tập của sinh viên.

- Hệ thống cơ sở vật chất.

Hệ thống cơ sở vật chất tốt và đầy đủ thì mới có thể đáp ứng được nhu cầu học tập của sinh viên, tạo hứng thú và niềm say mê học tập cho sinh viên cũng như đảm bảo công tác giảng dạy của giảng viên.

- Giáo trình, nội dung môn học.

Nội dung các môn học cũng như hệ thống giáo trình rõ ràng, đi sâu vào thực tiễn và có tính ứng dụng cao sẽ thúc đẩy thái độ học tập của sinh viên, những người đang cố gắng học hỏi nhằm tích lũy kiến thức và kỹ năng cho tương lai.

- Thực hành, thực tập thực tế.

Trong giáo dục, học phải đi đôi với hành, việc thiết lập những môn học thực hành mang tính ứng dụng vào cuộc sống và nghề nghiệp sau này để giúp cho sinh viên thích ứng với xã hội thực tại và tương lai là điều hết sức cần thiết.

- Động lực học tập.

Động lực học tập của sinh viên được thể hiện ở sự hứng thú học tập, các mục tiêu hướng nghiệp, các động lực và quan hệ từ xã hội…,đây là những động lực quan trọng thúc đẩy thái độ học tập, tính tự giác trong học tập của sinh viên. Chính sự thích thú, khả năng hiểu biết môn học, niềm tin vào những tri thức nhận được và nhu cầu nâng cao hiểu biết của sinh viên sẽ góp phần quan trọng vào việc nâng cao thái độ học tập của sinh viên.

3. Nội dung trao đổi

a. Thực trạng thái độ học tập của sinh viên

Trải qua quá trình giảng dạy các học phần Lý luận Chính trị tôi nhận thấy có khá nhiều sinh viên học tập các môn học này với một thái độ thiếu tích cực. Điều này biểu hiện ở những điểm sau:

+ Về mức độ chuyên cần:

- Số lượng sinh viên bỏ tiết học vẫn thường xuyên xảy ra. Trong đó, số lượng sinh viên vắng 1 buổi còn khá nhiều, vẫn còn tồn tại hiện tượng sinh viên nghỉ từ 3 buổi trở lên dù trước đó giảng viên đã nhắc nhở và cảnh báo. Nhóm sinh viên này tỏ ra thờ ơ và không quan tâm đến kết quả học tập.

+ Trong quá trình học thì số lượng sinh viên cảm thấy hứng thú chiếm tỷ lệ rất thấp, khá đông sinh viên học tập với tinh thần đối phó, một phần nhỏ tỏ vẻ thờ ơ, bỏ bê không quan tâm đến việc học. Cụ thể, đối với trình độ đại học, trong một lớp thì số sinh viên chú ý nghe giảng tích cực chiếm khoảng 30%, không tích cực chiếm khoảng 40%, còn 20% tỏ ra thờ ơ.

Về tinh thần phát biểu xây dựng bài thì số sinh viên tích cực phát biểu, chủ động nêu ra vấn đề thảo luận chỉ chiếm 10%, có phát biểu nhưng chưa tích cực chiếm 40%, 50% còn lại chỉ ngồi nghe và không tham gia phát biểu. Đối với việc chuẩn bị bài được giao trước khi lên lớp thì chỉ có 15% sinh viên chuẩn bị tích cực, 60% có chuẩn bị nhưng sơ sài, 25% còn lại không quan tâm. 10% có tích cực trao đổi những thắc mắc với giáo viên, 90% còn lại không có thắc mắc. Trong quá trình thảo luận thì có khoảng hơn 10% sinh viên tích cực tranh luận, 30% thỉnh thoảng tranh luận, 60% còn lại không tham gia. Có khoảng 10% sinh viên tìm tài liệu mở rộng mà giảng viên yêu cầu để lấy điểm khuyến khích, số còn lại không quan tâm.

b. Nguyên nhân của thực trạng

Qua trao đổi với sinh viên trong suốt quá trình giảng dạy, tôi nhận thấy tồn tại thực trạng trên là do các nguyên nhân sau:

- Nguyên nhân khách quan:

Thứ nhất, là do ảnh hưởng của giáo trình, nội dung môn học.

Đa số sinh viên cho rằng môn học này khô khan, trừu tượng, rất khó hiểu, ngoài ra giáo trình lại ít cập nhật thông tin mới do đó họ ít thấy hứng thú khi học tập. Bên cạnh đó việc thực hành, vận dụng môn học này trong thực tế không phải dễ dàng, nó đòi hỏi người học phải tư duy khái quát chứ không có tính ứng dụng cao như các học phần chuyên ngành nên khó thấy và vì vậy họ dễ cảm thấy chán nản.

Thứ hai, đó là ảnh hưởng của giảng viên và phương pháp giảng dạy.

Phần lớn các sinh viên cũng đồng tình cho rằng phương pháp giảng dạy của giảng viên là cực kỳ quan trọng, nếu giáo viên có phương pháp giảng dạy tốt có thể khiến cho những nội dung khô khan, trừu tượng trở nên gần gũi, dễ hiểu. Họ cho rằng trong thời gian qua giảng viên đã áp dụng nhiều phương pháp giảng dạy tích tực như thảo luận nhóm, nêu vấn đề, đóng vai tuy nhiên vẫn chưa thực sự cuốn hút người học. Từ đó cho ta thấy được rằng, năng lực của giáo viên và phương pháp giảng dạy có tác động mạnh đến thái độ của người học.

- Nguyên nhân chủ quan.

Ngoài những nguyên nhân khách quan trên còn có nguyên nhân chủ quan nằm ở bản thân người học, đó là:

Họ chưa có nhận thức đúng đắn về ý nghĩa và tầm quan trọng của môn học.

Động cơ học tập chưa đúng, Phần đông sinh viên xác định động cơ học tập là để thi chứ không phải để trau dồi kiến thức cho bản thân. Học để thi là động cơ bện ngoài, mang tính xã hội, động cơ này chỉ tồn tại trong thời gian ngắn, không có tính thúc đẩy cao để hướng người học hình thành được thái độ đúng đắn chính vì vậy nên hiệu quả của việc học chưa cao.

Cuối cùng, đó là thói quen và năng lực tự học, tự nghiên cứu của sinh viên. Học đại học chủ yếu là tự học, tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên, tuy nhiên khả năng này ở sinh viên còn rất hạn chế. Đa số sinh viên vẫn quen với cách học cũ là thụ động ghi chép bài để thi là chủ yếu chứ chưa có ý thức chủ động học để chiếm lĩnh kiến thức. Minh chứng đó là tồn tại tình trạng sinh viên tham gia Semina trên lớp một cách miễn cưỡng, một bộ phận ngồi nghe thụ động hoặc làm việc riêng, rất ít sinh viên hoàn thành bài tập tự nghiên cứu khi giảng viên giao về nhà.

4. Kết luận

Thực trạng sinh viên có thái độ thờ ơ, đối phó khi học các môn Lý luận Chính trị là có thực, cần phải được xem xét, đánh giá và tìm ra hướng khắc phục.

Trong thời gian qua, các giảng viên đã có vận dụng các phương pháp giảng dạy tích cực tuy nhiên hiệu quả mang lại chưa cao.

Người học chưa hiểu được ý nghĩa, tầm quan trọng của môn học

Nhiều sinh viên có động cơ học tập chưa đúng.

5. Đề xuất

Trong thời gian tới cần tổ chức các buổi sinh hoạt học thuật để các giảng viên trong cùng Bộ môn chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm vận dụng phương pháp giảng dạy tích cực đối với từng chủ đề của học phần. Từ đó các giảng viên cùng thảo luận, học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau để việc vận dụng hiệu quả hơn.

Tổ chức các buổi sinh hoạt học thuật để trao đổi về nội dung, chia sẻ, thảo luận về tính thời sự, tính thực tế cho từng chủ đề của các học phần lý luận chính trị để thấy được sức sống của nó trong giai đoạn hiện nay của đất nước, cũng như trong tình hình chuyển biến của thế giới.

Giảng viên cần làm cho sinh viên hiểu rõ tầm quan trọng, ý nghĩa của môn học, để khơi dậy tinh thần của người học đối với các học phần Lý luận Chính trị.

Giảng viên cần tìm hiểu nhu cầu, nguyện vọng chính đáng trong học tập của sinh viên để có các biện pháp khuyến khích, giúp đỡ sinh viên nhằm giúp họ hình thành động cơ học tập, thái độ học tập đúng đắn.

6. Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Thị Chi, Nguyễn Thị Liên Hương, Nguyễn Thị Phương Hoa (2010), "Thái độ học tập các môn chung của sinh viên Đại học Ngoại Ngữ - ĐHQGHN", tạp chí Giáo Duc.

- Ngô Gia Lưu (2007) "Dạy học các môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong trường ĐH, CĐ, Báo Nhân dân điện tử, 23/4.

- Nguyễn Thị Quỳnh Loan, Phan Hữu Tín (2011), "Các yếu tố ảnh hưởng đến thái độ học tập của sinh viên trường Đại học Đà Lạt", Tạp chí phát triển KH & CN, số 2, 2011.

- Trần Thị Minh Ngọc (2009) "Nhu cầu, thái độ học tập các môn Lý luận Chính trị của sinh viên Việt Nam hiện nay", Đề tài nghiên cứu cấp bộ.

- Nguyễn Văn Tài và Cộng sự (2003), "Nghiên cứu một số yếu tố kinh tế xã hội tác động đến hoạt động học tập và định hướng việc làm sau khi tốt nghiệp của sinh viên Đại học Quốc gia Tp.HCM.

Nghiên cứu về thái độ học tập đăng ngày 17/7/2005, trên diễn đàn web Tâm lý học và bạn: http://www.tamlyhoc.net/forum